

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 01

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000001	Trương Thị Như Ái	05/06/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
2	10000002	Cao Phạm Xuân An	10/06/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
3	10000003	Đào Lương Xuân An	11/10/2010	Nam	10A7	Sinh(A6->9)
4	10000004	Nguyễn Bình An	12/01/2010	Nam	10A8	Sinh(A6->9)
5	10000005	Nguyễn Thị Hoài An	30/07/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
6	10000006	Nguyễn Thị Thúy An	17/02/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
7	10000008	Phù Thị Thúy An	12/06/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
8	10000011	Nguyễn Lan Anh	13/12/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
9	10000013	Võ Thị Hoài Anh	11/05/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
10	10000017	Vũ Hoàng Bìn	02/06/2010	Nam	10A9	Sinh(A6->9)
11	10000018	Đồng Thanh Bình	05/01/2010	Nam	10A6	Sinh(A6->9)
12	10000020	Bùi Thị Lê Cẩm	11/04/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
1	11000002	Bùi Thị Mỹ Anh	16/07/2009	Nữ	11B9	Địa
2	11000005	Nguyễn Phước Anh	23/08/2009	Nam	11B9	Địa
3	11000010	Lê Thị Hải Âu	01/06/2009	Nữ	11B9	Địa
4	11000013	Nguyễn Gia Bảo	04/02/2009	Nam	11B8	Địa
5	11000014	Nguyễn Gia Bảo	30/08/2009	Nam	11B11	Địa
6	11000015	Nguyễn Hồng Bảo	26/06/2009	Nam	11B10	Địa
7	11000017	Phan Thới Hoàng Bảo	31/08/2009	Nam	11B5	Địa
8	11000019	Nguyễn Thị Ái Bình	16/09/2009	Nữ	11B10	Địa
9	11000020	Nguyễn Thị Anh Bình	20/11/2009	Nữ	11B11	Địa
10	11000021	Phạm Văn Ca	01/10/2009	Nam	11B7	Địa
11	11000022	Đinh Thị Mỹ Châu	05/01/2009	Nữ	11B8	Địa
12	11000024	Nguyễn Đỗ Thanh Châu	20/03/2009	Nữ	11B7	Địa
1	12000003	Phạm Thúy An	10/08/2008	Nữ	12C7	Tin
2	12000005	Nguyễn Thị Kim Anh	01/01/2008	Nữ	12C7	Tin
3	12000008	Trần Kỳ Anh	15/08/2008	Nam	12C3	Tin
4	12000009	Ao Thiên Ân	30/08/2008	Nam	12C5	Tin
5	12000011	Trần Phạm Bảo Ân	03/06/2008	Nữ	12C6	Tin
6	12000012	Bùi Trần Gia Bảo	25/01/2008	Nam	12C4	Tin
7	12000013	Trần Quang Bảo	21/07/2008	Nam	12C2	Tin
8	12000014	Nguyễn Gia Biểu	26/10/2008	Nam	12C3	Tin
9	12000017	Châu Phước Bình	21/10/2008	Nam	12C6	Tin
10	12000018	Phạm Thị Kim Cẩm	07/09/2008	Nữ	12C4	Tin
11	12000020	Nguyễn Hồng Châu	14/01/2008	Nữ	12C7	Tin
12	12000021	Nguyễn Thị Châu	13/07/2008	Nữ	12C5	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 02

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000024	Ngô Văn Chương	15/10/2010	Nam	10A7	Sinh(A6->9)
2	10000025	Tiêu Viết Chương	04/05/2010	Nam	10A6	Sinh(A6->9)
3	10000026	Phạm Trần Đình Cư	26/03/2010	Nam	10A8	Sinh(A6->9)
4	10000029	Trịnh Phạm Quan Cường	25/04/2010	Nam	10A9	Sinh(A6->9)
5	10000031	Bùi Nguyễn Gia Di	16/05/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
6	10000032	Phù Thị Hồng Diễm	30/08/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
7	10000034	Đinh Phạm Thùy Dung	08/03/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
8	10000035	Lưu Thị Thùy Dung	26/01/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
9	10000037	Ứng Thị Thùy Dung	24/07/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
10	10000042	Trần Mỹ Duyên	14/06/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
11	10000044	Nguyễn Ngọc Khánh Đan	04/09/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
12	10000045	Bùi Tấn Đạt	06/03/2010	Nam	10A8	Sinh(A6->9)
1	11000027	Bùi Thị Kim Chi	11/07/2009	Nữ	11B6	Địa
2	11000029	Phạm Nguyễn Tùng Chi	27/03/2009	Nữ	11B7	Địa
3	11000032	Hà Văn Chiến	01/01/2009	Nam	11B11	Địa
4	11000033	Võ Trường Chinh	26/10/2009	Nam	11B7	Địa
5	11000034	Nguyễn Thị Kim Chung	18/10/2009	Nữ	11B9	Địa
6	11000038	Lê Văn Danh	18/09/2009	Nam	11B6	Địa
7	11000040	Nguyễn Thành Danh	08/05/2009	Nam	11B11	Địa
8	11000041	Lê Ngọc Diễm	30/09/2009	Nữ	11B7	Địa
9	11000042	Phạm Xuân Diễm	20/05/2009	Nữ	11B9	Địa
10	11000043	Trương Lê Phương Diễm	25/07/2008	Nữ	11B7	Địa
11	11000045	Nguyễn Thị Xuân Diệu	20/12/2009	Nữ	11B5	Địa
12	11000046	Võ Nguyễn Lâm Doãn	21/12/2009	Nam	11B7	Địa
1	12000024	Võ Thị Lệ Chi	01/05/2008	Nữ	12C6	Tin
2	12000025	Bùi Văn Chiến	24/03/2008	Nam	12C3	Tin
3	12000026	Tiêu Viết Chiến	10/02/2008	Nam	12C3	Tin
4	12000027	Tổng Xuân Chiến	27/09/2008	Nam	12C5	Tin
5	12000028	Võ Hữu Chiến	05/10/2008	Nam	12C6	Tin
6	12000029	Võ Minh Chiến	23/07/2008	Nam	12C4	Tin
7	12000030	Đặng Tấn Công	10/09/2008	Nam	12C4	Tin
8	12000032	Phùng Quang Cường	12/05/2008	Nam	12C3	Tin
9	12000036	Nguyễn Thị Mỹ Diện	30/03/2008	Nữ	12C5	Tin
10	12000037	Lâm Ngọc Diệp	25/05/2008	Nữ	12C2	Tin
11	12000038	Lê Viết Diệp	25/02/2008	Nữ	12C6	Tin
12	12000039	Nguyễn Lê Xuân Diệu	01/06/2008	Nữ	12C4	Tin

Đồng Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 03

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000046	Nguyễn Văn Thành Đạt	07/03/2010	Nam	10A7	Sinh(A6->9)
2	10000051	Nguyễn Tấn Quang Đức	27/03/2010	Nam	10A9	Sinh(A6->9)
3	10000052	Đỗ Hồng Gấm	25/10/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
4	10000053	Đặng Phạm Quốc Gia	07/03/2010	Nam	10A7	Sinh(A6->9)
5	10000054	Đỗ Thị Tiên Giang	28/06/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
6	10000055	Hà Bảo Giang	04/12/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
7	10000057	Nguyễn Hồng Hạnh	06/09/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
8	10000058	Nguyễn Hồng Hạnh	17/05/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
9	10000060	Bùi Thị Như Hằng	13/01/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
10	10000061	Phạm Phương Hằng	24/03/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
11	10000063	Dương Thị Kim Hân	09/07/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
12	10000064	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	10/06/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
1	11000051	Đoàn Thị Mỹ Duyên	07/03/2009	Nữ	11B8	Địa
2	11000052	Hồ Thị Thảo Duyên	06/07/2009	Nữ	11B11	Địa
3	11000053	Lê Thị Mỹ Duyên	25/01/2009	Nữ	11B10	Địa
4	11000054	Nguyễn Ngọc Kiều Duyên	10/02/2009	Nữ	11B8	Địa
5	11000055	Nguyễn Thị Bích Duyên	08/09/2009	Nữ	11B8	Địa
6	11000056	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	30/11/2009	Nữ	11B9	Địa
7	11000057	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	17/07/2009	Nữ	11B10	Địa
8	11000060	Nguyễn Thị Hiếu Dương	14/08/2009	Nữ	11B8	Địa
9	11000062	Trần Nguyễn Bảo Đại	29/09/2009	Nam	11B11	Địa
10	11000064	Huỳnh Khánh Đan	07/05/2009	Nam	11B11	Địa
11	11000067	Đặng Xuân Đạt	11/07/2009	Nam	11B6	Địa
12	11000068	Nguyễn Tấn Đạt	14/07/2009	Nam	11B7	Địa
1	12000040	Nguyễn Ngọc Diệu	27/09/2008	Nữ	12C7	Tin
2	12000041	Phạm Thị Huyền Diệu	10/09/2008	Nữ	12C7	Tin
3	12000042	Nguyễn Thị Thùy Dung	22/11/2008	Nữ	12C6	Tin
4	12000043	Nguyễn Mạnh Dũng	07/07/2008	Nam	12C1	Tin
5	12000044	Nguyễn Tấn Dũng	29/03/2008	Nam	12C5	Tin
6	12000046	Lê Phan Quang Duy	08/05/2008	Nam	12C4	Tin
7	12000048	Nguyễn Tấn Vũ Duy	23/12/2007	Nam	12C7	Tin
8	12000049	Võ Hồng Duy	11/06/2008	Nam	12C1	Tin
9	12000050	Võ Lê Duy	16/02/2008	Nam	12C2	Tin
10	12000053	Trần Thị Mỹ Duyên	27/02/2008	Nữ	12C6	Tin
11	12000054	Võ Nguyên Thùy Duyên	24/08/2008	Nữ	12C5	Tin
12	12000055	Bùi Duy Đạt	13/06/2008	Nam	12C1	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 04

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000068	Đỗ Thị Mỹ Hậu	24/04/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
2	10000070	Bùi Thị Như Hiền	12/09/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
3	10000071	Huỳnh Thị Hiếu	05/02/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
4	10000072	Phạm Ngọc Trung Hiếu	14/10/2010	Nam	10A8	Sinh(A6->9)
5	10000075	Đỗ Thị Kim Hoa	17/03/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
6	10000082	Bùi Thị Kim Huệ	01/09/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
7	10000087	Tiêu Viêt Nguyên Huy	02/05/2010	Nam	10A9	Sinh(A6->9)
8	10000088	Lê Thị Huyền	13/11/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
9	10000092	Phạm Nguyễn Khánh Huyền	20/07/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
10	10000094	Võ Thị Thu Huyền	22/12/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
11	10000099	Nguyễn Lan Hương	08/01/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
12	10000100	Võ Thị Kim Hương	21/11/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
1	11000069	Phan Văn Đạt	19/10/2009	Nam	11B10	Địa
2	11000072	Nguyễn Minh Đức	08/01/2009	Nam	11B11	Địa
3	11000073	Võ Hoàng Gia	27/11/2009	Nam	11B11	Địa
4	11000074	Dương Nguyễn Hương Giang	30/05/2009	Nữ	11B6	Địa
5	11000075	Lê Thị Kim Ha	25/05/2009	Nữ	11B11	Địa
6	11000079	Võ Thị Thu Hà	31/01/2009	Nữ	11B10	Địa
7	11000086	Trần Thị Mỹ Hào	08/12/2009	Nữ	11B10	Địa
8	11000087	Đỗ Thị Thanh Hằng	12/08/2009	Nữ	11B8	Địa
9	11000089	Lê Bảo Hân	07/11/2009	Nữ	11B8	Địa
10	11000090	Nguyễn Phạm Bảo Hân	12/01/2009	Nữ	11B6	Địa
11	11000091	Nguyễn Thị Gia Hân	17/11/2009	Nữ	11B10	Địa
12	11000092	Tạ Gia Hân	02/05/2009	Nữ	11B8	Địa
1	12000057	Nguyễn Đạt	10/03/2008	Nam	12C1	Tin
2	12000058	Nguyễn Tấn Đạt	09/06/2008	Nam	12C6	Tin
3	12000060	Huỳnh Tấn Đệ	09/06/2008	Nam	12C2	Tin
4	12000063	Phạm Thị Diệp	04/03/2008	Nữ	12C7	Tin
5	12000064	Phạm Thị Ngọc Diệp	10/02/2008	Nữ	12C3	Tin
6	12000065	Huỳnh Kết Đoàn	18/02/2008	Nam	12C4	Tin
7	12000066	Nguyễn Hoàng Đức	30/12/2008	Nam	12C5	Tin
8	12000067	Ngô Quốc Được	09/05/2008	Nam	12C4	Tin
9	12000068	Nguyễn Thị A Em	30/07/2008	Nữ	12C5	Tin
10	12000069	Nguyễn Ngọc Trường Giang	30/10/2008	Nam	12C2	Tin
11	12000072	Trương Thị Hương Giang	23/07/2008	Nữ	12C4	Tin
12	12000074	Huỳnh Thị Thu Hà	31/10/2008	Nữ	12C3	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TUỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 05

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000107	Nguyễn Văn Khải	22/01/2010	Nam	10A7	Sinh(A6->9)
2	10000110	Đỗ Chí Khánh	22/08/2010	Nam	10A8	Sinh(A6->9)
3	10000115	Nguyễn Đình Bá Khôi	27/11/2010	Nam	10A7	Sinh(A6->9)
4	10000119	Võ Huỳnh Minh Khôi	09/06/2010	Nam	10A9	Sinh(A6->9)
5	10000121	Võ Thị Diễm Kiều	20/01/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
6	10000125	Nguyễn Thị Linh	14/02/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
7	10000126	Nguyễn Thùy Linh	26/02/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
8	10000130	Bùi Thị Mỹ Lộc	26/04/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
9	10000132	Bùi Thị Ly	27/05/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
10	10000133	Nguyễn Phạm Trúc Ly	04/05/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
11	10000135	Dương Nguyễn Hà Mi	20/05/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
12	10000137	Nguyễn Trần Bình Minh	20/10/2010	Nam	10A6	Sinh(A6->9)
1	11000096	Phạm Thị Hiền	05/12/2009	Nữ	11B8	Địa
2	11000100	Phạm Hoàng Hiếu	02/11/2009	Nam	11B8	Địa
3	11000103	Nguyễn Thị Hoa	12/09/2009	Nữ	11B6	Địa
4	11000104	Trần Thị Mỹ Hoa	02/06/2009	Nữ	11B8	Địa
5	11000105	Nguyễn Thị Hải Hòa	28/07/2009	Nữ	11B8	Địa
6	11000106	Phan Lê Như Huệ	28/02/2009	Nữ	11B8	Địa
7	11000110	Phạm Tấn Huy	10/12/2009	Nam	11B10	Địa
8	11000111	Phan Chí Huy	01/09/2009	Nam	11B11	Địa
9	11000114	Tiêu Viết Huy	23/03/2009	Nam	11B6	Địa
10	11000117	Lê Thị Huyền	28/02/2009	Nữ	11B8	Địa
11	11000118	Trương Khánh Huyền	29/07/2009	Nữ	11B8	Địa
12	11000119	Dương Gia Hưng	22/06/2008	Nam	11B5	Địa
1	12000076	Nguyễn Thị Thu Hà	05/10/2008	Nữ	12C5	Tin
2	12000077	Nguyễn Thị Thúy Hà	25/12/2008	Nữ	12C7	Tin
3	12000078	Võ Thị Kim Hà	03/05/2008	Nữ	12C6	Tin
4	12000079	Lê Đức Hải	30/04/2008	Nam	12C5	Tin
5	12000081	Nguyễn Thị Hằng	07/10/2008	Nữ	12C2	Tin
6	12000082	Nguyễn Thị Thu Hằng	26/03/2008	Nữ	12C1	Tin
7	12000085	Lê Mỹ Hân	09/11/2008	Nữ	12C2	Tin
8	12000086	Phạm Gia Hân	10/02/2008	Nữ	12C5	Tin
9	12000090	Tạ Văn Hậu	16/06/2008	Nam	12C1	Tin
10	12000091	Phạm Huy Hiền	22/11/2008	Nam	12C3	Tin
11	12000092	Mai Thanh Hiếu	07/07/2008	Nữ	12C7	Tin
12	12000093	Phan Công Hiếu	08/10/2008	Nam	12C5	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 06

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000139	Đặng Nguyễn Trà My	18/05/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
2	10000140	Đỗ Thị Trà My	11/08/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
3	10000141	Lê Thị Khả My	24/03/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
4	10000143	Phạm Thị Huỳnh My	27/02/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
5	10000146	Võ Thị Kiều My	22/08/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
6	10000147	Huỳnh Thị Hoàn Mỹ	21/07/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
7	10000148	Phan Thị Thu Mỹ	25/01/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
8	10000149	Phan Thị Thu Mỹ	25/01/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
9	10000152	Nguyễn Thị Ry Na	10/05/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
10	10000153	Phạm Thị Ngọc Na	27/06/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
11	10000154	Tiêu Thị Vi Na	15/07/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
12	10000155	Trần Võ A Na	08/09/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
1	11000120	Lê Nguyễn Văn Hưng	22/02/2009	Nam	11B7	Địa
2	11000123	Trịnh Văn Hữu	12/01/2008	Nam	11B6	Địa
3	11000128	Lê Quang Khang	30/12/2009	Nam	11B5	Địa
4	11000129	Nguyễn Hoàng Khang	03/06/2009	Nam	11B11	Địa
5	11000131	Nguyễn Văn Chấn Khang	25/12/2009	Nam	11B9	Địa
6	11000134	Huỳnh Nguyễn Duy Khánh	15/06/2009	Nam	11B11	Địa
7	11000135	Huỳnh Xuân Khánh	23/01/2009	Nữ	11B11	Địa
8	11000136	Nguyễn Hiếu Khánh	19/12/2009	Nữ	11B6	Địa
9	11000137	Trần Quốc Khánh	03/10/2009	Nam	11B11	Địa
10	11000139	Bùi Nguyễn Anh Khoa	13/05/2009	Nam	11B8	Địa
11	11000142	Nguyễn Cao Khoa	17/03/2009	Nam	11B5	Địa
12	11000143	Nguyễn Đăng Khoa	17/08/2009	Nam	11B9	Địa
1	12000094	Tạ Thị Thu Hiếu	27/03/2008	Nữ	12C3	Tin
2	12000098	Phù Trung Hoàng	05/04/2008	Nam	12C6	Tin
3	12000102	Nguyễn Thị Diệu Hồng	02/09/2008	Nữ	12C6	Tin
4	12000103	Tiêu Viết Hợp	17/05/2008	Nam	12C5	Tin
5	12000104	Đỗ Sinh Hùng	03/01/2008	Nam	12C5	Tin
6	12000105	Đỗ Trần Tấn Hùng	26/10/2008	Nam	12C4	Tin
7	12000107	Bùi Nguyễn Chí Huy	02/09/2008	Nam	12C7	Tin
8	12000112	Phạm Quốc Huy	22/09/2008	Nam	12C3	Tin
9	12000113	Thái Bùi Quốc Huy	02/03/2008	Nam	12C2	Tin
10	12000114	Trần Gia Huy	25/05/2008	Nam	12C3	Tin
11	12000115	Phạm Huỳnh Huyền	11/02/2008	Nữ	12C4	Tin
12	12000117	Lê Thị Lê Huyền	16/10/2008	Nữ	12C7	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 07

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000157	Phan Nguyễn Bảo Nam	20/01/2010	Nam	10A8	Sinh(A6->9)
2	10000160	Nguyễn Kim Ngân	30/07/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
3	10000162	Trần Bảo Ngân	16/03/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
4	10000163	Trần Thị Kim Ngân	21/09/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
5	10000165	Võ Kim Phú Ngân	29/09/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
6	10000167	Yêu Thanh Ngân	12/07/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
7	10000169	Võ Hoài Ngọc Nghi	07/11/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
8	10000170	Bùi Hữu Nghi	22/01/2010	Nam	10A6	Sinh(A6->9)
9	10000171	Nguyễn Văn Nghĩa	08/08/2010	Nam	10A9	Sinh(A6->9)
10	10000173	Nguyễn Thiên Ngọc	19/04/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
11	10000177	Nguyễn Trọng Nguyên	09/10/2009	Nam	10A7	Sinh(A6->9)
12	10000178	Tiêu Thị Thảo Nguyên	05/12/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
1	11000145	Võ Anh Khoa	17/03/2009	Nữ	11B7	Địa
2	11000147	Phạm Ngọc Khuê	13/07/2009	Nữ	11B10	Địa
3	11000148	Võ Minh Khuê	28/08/2009	Nữ	11B11	Địa
4	11000151	Nguyễn Thị Hiếu Kiên	08/05/2009	Nữ	11B6	Địa
5	11000154	Đỗ Phan Kiệt	25/12/2009	Nam	11B5	Địa
6	11000155	Nguyễn Gia Kiệt	17/11/2009	Nam	11B10	Địa
7	11000158	Nguyễn Thị Thảo Kim	25/11/2009	Nữ	11B9	Địa
8	11000161	Bùi Nguyễn Hà Lâm	13/12/2009	Nữ	11B9	Địa
9	11000164	Phan Thị Kim Liên	31/05/2009	Nữ	11B11	Địa
10	11000165	Phan Thúy Liễu	02/11/2009	Nữ	11B11	Địa
11	11000166	Phan Thị Diệu Linh	01/11/2009	Nữ	11B10	Địa
12	11000168	Trương Dương Thùy Linh	30/08/2009	Nữ	11B5	Địa
1	12000119	Huỳnh Tấn Huynh	09/06/2008	Nam	12C2	Tin
2	12000122	Nguyễn Hữu Hưng	21/06/2008	Nam	12C7	Tin
3	12000123	Nguyễn Thanh Hưng	16/01/2008	Nam	12C2	Tin
4	12000124	Phạm Tấn Hưng	09/01/2008	Nam	12C2	Tin
5	12000125	Trần Gia Hưng	23/09/2008	Nam	12C3	Tin
6	12000126	Đồng Thị Hương	06/12/2007	Nữ	12C2	Tin
7	12000128	Nguyễn Kha	13/01/2008	Nam	12C3	Tin
8	12000129	Nguyễn Vũ Hồng Kha	08/03/2008	Nam	12C2	Tin
9	12000130	Phạm Ngọc Duy Kha	19/09/2008	Nam	12C5	Tin
10	12000132	Lê Văn Khải	19/08/2008	Nam	12C2	Tin
11	12000134	Đặng Huỳnh Anh Khang	12/12/2008	Nam	12C7	Tin
12	12000135	Nguyễn Văn Khang	09/11/2008	Nam	12C4	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 08

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000179	Tạ Thị Thanh Nhân	06/01/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
2	10000183	Lê Văn Nhật	28/05/2010	Nam	10A9	Sinh(A6->9)
3	10000184	Nguyễn Đỗ Thành Nhật	07/01/2010	Nam	10A8	Sinh(A6->9)
4	10000187	Bùi Thị Yến Nhi	26/04/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
5	10000188	Huỳnh Lê Yến Nhi	29/11/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
6	10000193	Phan Thị Yến Nhi	19/04/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
7	10000194	Trần Thị Mỹ Nhiên	24/11/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
8	10000195	Ao Thị Ý Như	12/05/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
9	10000197	Đỗ Thị Huỳnh Như	17/05/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
10	10000200	Huỳnh Thị Bảo Như	24/01/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
11	10000201	Lê Huỳnh Như	24/02/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
12	10000202	Nguyễn Phước Bảo Như	22/07/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
1	11000169	Trương Hoàng Nhật Linh	04/09/2009	Nữ	11B8	Địa
2	11000171	Võ Thị Ngọc Linh	09/04/2009	Nữ	11B8	Địa
3	11000177	Đàm Thị Khánh Ly	03/11/2009	Nữ	11B6	Địa
4	11000179	Trần Thị Kim Ly	24/04/2008	Nữ	11B7	Địa
5	11000181	Võ Huỳnh Khánh Ly	19/07/2009	Nữ	11B10	Địa
6	11000182	Võ Thị Cẩm Ly	19/04/2009	Nữ	11B9	Địa
7	11000183	Võ Thị Cẩm Ly	20/12/2009	Nữ	11B5	Địa
8	11000185	Nguyễn Duy Mạnh	10/04/2009	Nam	11B11	Địa
9	11000189	Phạm Ngọc Minh	06/08/2009	Nam	11B7	Địa
10	11000190	Bùi Đỗ Huyền My	01/01/2009	Nữ	11B9	Địa
11	11000193	Võ Nguyễn Tường My	14/10/2009	Nữ	11B7	Địa
12	11000194	Võ Vy Hà My	09/06/2009	Nữ	11B7	Địa
1	12000136	Phạm Duy Khang	21/04/2008	Nam	12C7	Tin
2	12000137	Phan Trí Khang	07/06/2008	Nam	12C5	Tin
3	12000138	Đỗ Quốc Khánh	02/09/2008	Nam	12C7	Tin
4	12000141	Nguyễn Trà Khánh	22/04/2008	Nam	12C2	Tin
5	12000145	Tổng Duy Khoa	11/11/2008	Nam	12C2	Tin
6	12000146	Võ Đăng Khoa	11/08/2008	Nam	12C2	Tin
7	12000147	Võ Tấn Khoa	27/04/2008	Nam	12C2	Tin
8	12000148	Phạm Nguyễn Đăng Khôi	04/12/2008	Nam	12C1	Tin
9	12000149	Võ Chí Khôi	13/08/2008	Nam	12C1	Tin
10	12000150	Phạm Anh Khuê	20/06/2008	Nam	12C1	Tin
11	12000151	Nguyễn Thị Xuân Khuyên	29/09/2008	Nữ	12C7	Tin
12	12000152	Đặng Trung Kiên	08/11/2008	Nam	12C4	Tin

Đồng Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 09

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000204	Bùi Thị Bích Nữ	23/08/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
2	10000205	Trần Phan Kiều Oanh	12/07/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
3	10000207	Tiêu Minh Phát	24/02/2010	Nam	10A7	Sinh(A6->9)
4	10000208	Bùi Ngọc Gia Phúc	01/03/2010	Nam	10A9	Sinh(A6->9)
5	10000210	Lê Anh Phúc	19/03/2010	Nam	10A8	Sinh(A6->9)
6	10000211	Nguyễn Hồng Phúc	05/07/2010	Nam	10A7	Sinh(A6->9)
7	10000212	Nguyễn Thị Kim Phúc	06/01/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
8	10000213	Bùi Ngọc Kỳ Phương	14/02/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
9	10000214	Bùi Thị Bích Phương	27/08/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
10	10000215	Nguyễn Thanh Phương	29/01/2010	Nam	10A8	Sinh(A6->9)
11	10000217	Nguyễn Nhật Quân	23/02/2010	Nam	10A9	Sinh(A6->9)
12	10000221	Đặng Lê Kim Quỳnh	23/07/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
1	11000196	Nguyễn Phạm Ty Na	09/11/2009	Nữ	11B8	Địa
2	11000197	Nguyễn Thị Ly Na	24/06/2009	Nữ	11B7	Địa
3	11000198	Nguyễn Thị Ly Na	04/02/2009	Nữ	11B11	Địa
4	11000199	Võ Thị Mi Na	17/05/2009	Nữ	11B6	Địa
5	11000201	Trần Thúy Nga	07/07/2009	Nữ	11B11	Địa
6	11000203	Phạm Nguyễn Thanh Ngà	31/10/2009	Nữ	11B5	Địa
7	11000204	Đinh Ngọc Ngân	11/11/2009	Nữ	11B5	Địa
8	11000205	Hồ Thị Thuý Ngân	10/08/2009	Nữ	11B5	Địa
9	11000206	Ngô Phạm Kim Ngân	01/10/2009	Nữ	11B11	Địa
10	11000207	Nguyễn Duy Ngân	29/03/2009	Nam	11B10	Địa
11	11000208	Nguyễn Thị Kim Ngân	14/11/2009	Nữ	11B7	Địa
12	11000209	Nguyễn Thị Thu Ngân	08/02/2009	Nữ	11B6	Địa
1	12000154	Ngô Tuấn Kiệt	26/08/2008	Nam	12C2	Tin
2	12000156	Trần Võ Anh Kiệt	16/10/2007	Nam	12C7	Tin
3	12000158	Nguyễn Thị Vân Kiều	04/07/2008	Nữ	12C4	Tin
4	12000161	Võ Thị Ngọc Lai	01/04/2008	Nữ	12C3	Tin
5	12000162	Phạm Thị Ngọc Lan	15/10/2008	Nữ	12C6	Tin
6	12000164	Nguyễn Hoàng Gia Lâm	20/04/2008	Nam	12C5	Tin
7	12000165	Võ Duy Lâm	29/04/2008	Nam	12C1	Tin
8	12000169	Lê Thị Kim Linh	02/11/2008	Nữ	12C7	Tin
9	12000170	Nguyễn Hoàng Linh	24/06/2008	Nữ	12C1	Tin
10	12000172	Nguyễn Ngọc Hà Linh	03/07/2008	Nữ	12C7	Tin
11	12000173	Võ Duy Linh	12/03/2008	Nam	12C7	Tin
12	12000174	Võ Thị Khánh Linh	21/03/2008	Nữ	12C3	Tin

Đồng Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 10

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000223	Nguyễn Phạm Như Quỳnh	26/12/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
2	10000224	Nguyễn Trần Khánh Quỳnh	14/05/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
3	10000225	Vũ Hoàng Sa	18/11/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
4	10000230	Huỳnh Nguyễn Ngọc Bảo Tâm	12/04/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
5	10000231	Ngô Thanh Tâm	02/02/2010	Nam	10A7	Sinh(A6->9)
6	10000237	Huỳnh Tịnh Nhật Thảo	01/10/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
7	10000240	Võ Thị Thu Thảo	28/02/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
8	10000250	Nguyễn Thị Ngọc Thơm	16/06/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
9	10000251	Phan Thị Thơm	23/02/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
10	10000253	Nguyễn Thị Thu	07/11/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
11	10000255	Bùi Văn Thuận	06/07/2010	Nam	10A8	Sinh(A6->9)
12	10000256	Đặng Mai Thùy	24/12/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
1	11000210	Nguyễn Thị Thúy Ngân	01/09/2009	Nữ	11B11	Địa
2	11000212	Trần Tô Diệu Ngân	15/04/2009	Nữ	11B8	Địa
3	11000213	Trương Thị Thu Ngân	10/08/2009	Nữ	11B9	Địa
4	11000214	Võ Thị Tuyết Ngân	18/06/2009	Nữ	11B6	Địa
5	11000215	Trần Tuyết Nghi	25/07/2009	Nữ	11B10	Địa
6	11000220	Huỳnh Đào Như Ngọc	16/03/2009	Nữ	11B10	Địa
7	11000221	Lê Quý Như Ngọc	17/05/2009	Nữ	11B8	Địa
8	11000222	Lý Ngô Bảo Ngọc	26/09/2009	Nữ	11B7	Địa
9	11000223	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	14/04/2009	Nữ	11B8	Địa
10	11000224	Nguyễn Tiến Ngọc	23/08/2009	Nam	11B5	Địa
11	11000225	Phan Thị Thúy Ngọc	24/08/2009	Nữ	11B11	Địa
12	11000227	Phù Thị Ngọc	13/03/2009	Nữ	11B7	Địa
1	12000177	Hồ Dương Luân	30/08/2008	Nam	12C7	Tin
2	12000178	Bùi Đắc Luật	18/10/2008	Nam	12C2	Tin
3	12000179	Bùi Huyền Thảo Ly	15/07/2008	Nữ	12C6	Tin
4	12000180	Đỗ Thị Ly	27/04/2008	Nữ	12C6	Tin
5	12000181	Nguyễn Ngọc Ly	26/01/2008	Nữ	12C4	Tin
6	12000182	Nguyễn Thị Thủy Ly	22/01/2008	Nữ	12C5	Tin
7	12000183	Phạm Thị Mỹ Ly	11/05/2008	Nữ	12C5	Tin
8	12000186	Phạm Thị Mỹ Lý	05/08/2008	Nữ	12C3	Tin
9	12000188	Bùi Gia Min	25/05/2008	Nam	12C1	Tin
10	12000191	Tiêu Thị Tuyết Minh	12/01/2008	Nữ	12C6	Tin
11	12000192	Võ Lê Cao Minh	01/05/2008	Nam	12C7	Tin
12	12000195	Bùi Diệu My	27/09/2008	Nữ	12C7	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TUỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 11

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000257	Nguyễn Thanh Thuỳên	01/05/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
2	10000258	Đặng Anh Thư	15/11/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
3	10000259	Lê Đỗ Anh Thư	05/06/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
4	10000260	Lý Nguyễn Minh Thư	10/04/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
5	10000261	Ngô Trần Anh Thư	05/04/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
6	10000262	Phạm Thới Anh Thư	16/01/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
7	10000264	Võ Anh Thư	18/12/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
8	10000265	Võ Thị Anh Thư	21/08/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
9	10000266	Lê Viết Thực	19/02/2010	Nam	10A9	Sinh(A6->9)
10	10000272	Hà Đỗ Trúc Tiên	22/12/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
11	10000273	Nguyễn Thị Ái Tiên	02/12/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
12	10000274	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	11/01/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
1	11000228	Trịnh Yến Ngọc	25/10/2009	Nữ	11B11	Địa
2	11000230	Nguyễn Đan Nguyên	17/01/2009	Nam	11B9	Địa
3	11000231	Nguyễn Thị Nguyên	23/10/2009	Nữ	11B8	Địa
4	11000232	Võ Phan Hoàng Nguyên	05/01/2009	Nam	11B9	Địa
5	11000233	Võ Trịnh Như Nguyệt	04/01/2009	Nữ	11B6	Địa
6	11000235	Nguyễn Thị Thanh Nhân	06/01/2009	Nữ	11B7	Địa
7	11000236	Đặng Thiện Nhân	19/04/2009	Nam	11B9	Địa
8	11000240	Phạm Đỗ Hoài Nhất	20/04/2009	Nam	11B11	Địa
9	11000242	Phan Văn Quang Nhật	28/06/2009	Nam	11B5	Địa
10	11000243	Cao Nguyễn Tú Nhi	30/04/2008	Nữ	11B6	Địa
11	11000244	Đinh Thị Hồng Nhi	28/07/2008	Nữ	11B11	Địa
12	11000247	Hồ Thị Bảo Nhi	04/07/2009	Nữ	11B10	Địa
1	12000196	Đỗ Mai Huyền My	03/11/2008	Nữ	12C4	Tin
2	12000197	Lương Thảo My	06/10/2008	Nữ	12C1	Tin
3	12000199	Phạm Thị Thúy My	14/04/2008	Nữ	12C6	Tin
4	12000209	Nguyễn Hoài Nam	28/04/2008	Nam	12C6	Tin
5	12000210	Nguyễn Thái Nam	30/01/2008	Nam	12C4	Tin
6	12000211	Nguyễn Văn Nam	02/05/2008	Nam	12C4	Tin
7	12000212	Đồng Thị Thu Nga	10/01/2008	Nữ	12C1	Tin
8	12000216	Bùi Thị Thanh Ngân	06/02/2008	Nữ	12C6	Tin
9	12000217	Huỳnh Thị Xuân Ngân	20/05/2008	Nữ	12C5	Tin
10	12000220	Nguyễn Thị Thúy Ngân	18/06/2008	Nữ	12C1	Tin
11	12000222	Phạm Thái Ngân	05/05/2008	Nữ	12C6	Tin
12	12000223	Phạm Thị Thanh Ngân	10/07/2008	Nữ	12C2	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 12

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000279	Nguyễn Như Tình	05/04/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
2	10000280	Đặng Thanh Tình	11/01/2010	Nam	10A7	Sinh(A6->9)
3	10000283	Nguyễn Thị Thu Trang	02/04/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
4	10000284	Nguyễn Thị Thùy Trang	15/03/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
5	10000285	Phạm Thị Thu Trang	04/05/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
6	10000288	Võ Bùi Đoan Trang	25/02/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
7	10000289	Vũ Thị Huyền Trang	18/12/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
8	10000290	Hoàng Thủy Thùy Trâm	25/06/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
9	10000292	Phạm Bảo Trân	28/04/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
10	10000297	Võ Dương Thanh Trúc	10/09/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
11	10000299	Bùi Thanh Tú	15/11/2010	Nam	10A8	Sinh(A6->9)
12	10000301	Nguyễn Thị Cẩm Tú	18/12/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
1	11000249	Lương Thị Yến Nhi	21/06/2009	Nữ	11B8	Địa
2	11000250	Mai Phạm Yến Nhi	10/08/2009	Nữ	11B6	Địa
3	11000251	Nguyễn Hồng Yến Nhi	05/11/2009	Nữ	11B5	Địa
4	11000252	Nguyễn Thị Yến Nhi	18/09/2009	Nữ	11B6	Địa
5	11000253	Phạm Thị Yến Nhi	21/04/2009	Nữ	11B11	Địa
6	11000254	Tạ Thị Ái Nhi	12/10/2009	Nữ	11B10	Địa
7	11000255	Trần Yến Nhi	09/11/2009	Nữ	11B7	Địa
8	11000256	Võ Thị Uyên Nhi	06/02/2009	Nữ	11B8	Địa
9	11000258	Tiêu Thị Hồng Nhiên	14/06/2009	Nữ	11B10	Địa
10	11000260	Nguyễn Thị Kiều Nhung	09/05/2009	Nữ	11B5	Địa
11	11000261	Nguyễn Thị Thúy Nhung	08/05/2009	Nữ	11B6	Địa
12	11000262	Trương Thị Yến Nhung	04/02/2009	Nữ	11B5	Địa
1	12000224	Phạm Thị Thu Ngân	16/06/2008	Nữ	12C4	Tin
2	12000225	Tô Thị Ngọc Ngân	14/10/2008	Nữ	12C5	Tin
3	12000226	Trần Thị Phương Ngân	03/08/2008	Nữ	12C7	Tin
4	12000230	Võ Thị Ngoan	09/04/2008	Nữ	12C3	Tin
5	12000231	Phan Mai Bảo Ngọc	20/10/2008	Nữ	12C1	Tin
6	12000232	Tiêu Thị Thúy Ngọc	21/11/2008	Nữ	12C7	Tin
7	12000233	Võ Đức Ngọc	21/05/2008	Nam	12C5	Tin
8	12000234	Dương Tổng Thảo Nguyên	06/07/2008	Nữ	12C1	Tin
9	12000235	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	20/01/2008	Nữ	12C3	Tin
10	12000237	Lê Trung Nguyên	13/07/2008	Nam	12C2	Tin
11	12000238	Ngô Thị Như Nguyệt	01/11/2008	Nữ	12C6	Tin
12	12000239	Huỳnh Thị Thanh Nhân	16/10/2007	Nữ	12C2	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 13

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000305	Võ Văn Tuấn	25/11/2010	Nam	10A9	Sinh(A6->9)
2	10000306	Nguyễn Thanh Tùng	15/02/2010	Nam	10A7	Sinh(A6->9)
3	10000309	Võ Thị Ánh Tuyết	22/12/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
4	10000310	Đoàn Thị Tường	05/02/2009	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
5	10000312	Mai Lê Phương Uyên	05/08/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
6	10000314	Phạm Thị Thúy Vân	03/07/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
7	10000315	Nguyễn Thị Kiều Vi	12/06/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
8	10000316	Phạm Lê Tường Vi	27/01/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
9	10000318	Bùi Thị Tường Viên	14/10/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
10	10000319	Lê Quang Vinh	17/03/2010	Nam	10A9	Sinh(A6->9)
11	10000320	Nguyễn Quang Vinh	29/08/2010	Nam	10A8	Sinh(A6->9)
12	10000327	Phan Thảo Vy	02/11/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
1	11000263	Võ Thị Thu Nhung	08/01/2009	Nữ	11B8	Địa
2	11000264	Đoàn Thị Huỳnh Như	01/06/2009	Nữ	11B11	Địa
3	11000265	Nguyễn Thị Quỳnh Như	26/09/2009	Nữ	11B6	Địa
4	11000266	Nguyễn Thị Tịnh Như	17/12/2009	Nữ	11B7	Địa
5	11000267	Phạm Thị Quỳnh Như	21/08/2009	Nữ	11B5	Địa
6	11000268	Phan Thị Quỳnh Như	26/05/2009	Nữ	11B7	Địa
7	11000270	Nguyễn Thúy Ni	25/04/2009	Nữ	11B7	Địa
8	11000271	Đỗ Nguyễn Quốc Ninh	25/01/2009	Nam	11B9	Địa
9	11000276	Nguyễn Thị Mỹ Nương	09/05/2009	Nữ	11B5	Địa
10	11000277	Nguyễn Bùi Phương Ny	09/04/2009	Nữ	11B9	Địa
11	11000279	Võ Thị Hoài Ny	20/04/2009	Nữ	11B7	Địa
12	11000281	Nguyễn Việt Phương Oanh	05/05/2009	Nữ	11B8	Địa
1	12000241	Huỳnh Thị Ngọc Nhân	26/07/2008	Nữ	12C1	Tin
2	12000242	Nguyễn Trương Duy Nhất	10/11/2008	Nam	12C7	Tin
3	12000243	Lê Quang Nhật	19/09/2008	Nam	12C2	Tin
4	12000245	Lê Nguyễn Khả Nhi	01/05/2008	Nữ	12C7	Tin
5	12000246	Mai Thị Yến Nhi	12/03/2008	Nữ	12C3	Tin
6	12000248	Võ Nguyễn Yến Nhi	14/05/2008	Nữ	12C1	Tin
7	12000250	Nguyễn Thị Thùy Nhiên	23/04/2008	Nữ	12C6	Tin
8	12000251	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	24/05/2008	Nữ	12C3	Tin
9	12000252	Bùi Thị Huỳnh Như	08/05/2008	Nữ	12C3	Tin
10	12000253	Cao Nguyễn Quỳnh Như	06/02/2008	Nữ	12C6	Tin
11	12000255	Lê Quỳnh Như	26/05/2008	Nữ	12C3	Tin
12	12000256	Lê Quỳnh Như	19/08/2008	Nữ	12C1	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TUỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 14

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000329	Võ Thị Minh Vy	02/08/2010	Nữ	10A6	Sinh(A6->9)
2	10000330	Đỗ Tấn Ý	28/03/2010	Nam	10A6	Sinh(A6->9)
3	10000333	Trần Thị Như Ý	19/05/2010	Nữ	10A7	Sinh(A6->9)
4	10000334	Võ Phạm Hồng Yên	26/06/2010	Nữ	10A8	Sinh(A6->9)
5	10000335	Lê Ngọc Bảo Yến	17/06/2010	Nữ	10A9	Sinh(A6->9)
1	11000283	Nguyễn Trần Minh Phát	23/03/2009	Nam	11B5	Địa
2	11000285	Đào Thị Quỳnh Phi	30/10/2009	Nữ	11B8	Địa
3	11000287	Đỗ Duy Phìn	10/10/2009	Nam	11B11	Địa
4	11000288	Cù Chí Phong	02/08/2009	Nam	11B7	Địa
5	11000290	Nguyễn Vũ Phong	27/04/2009	Nam	11B11	Địa
6	11000293	Đàm Việt Phú	12/09/2009	Nam	11B10	Địa
7	11000294	Huỳnh Thị Thu Phú	25/06/2009	Nữ	11B8	Địa
8	11000295	Trần Lê Phú	03/01/2009	Nam	11B10	Địa
9	11000298	Trần Thanh Phúc	06/12/2009	Nam	11B9	Địa
10	11000299	Nguyễn Hoàng Phước	01/06/2009	Nam	11B8	Địa
11	11000301	Nguyễn Văn Phước	03/09/2009	Nam	11B9	Địa
12	11000304	Bùi Duy Phương	19/08/2009	Nam	11B6	Địa
1	12000257	Lý Thị Huỳnh Như	21/08/2008	Nữ	12C6	Tin
2	12000262	Tu Lê Lâm Như	14/07/2008	Nữ	12C6	Tin
3	12000263	Võ Nguyễn Gia Như	15/11/2008	Nữ	12C3	Tin
4	12000265	Nguyễn Thị Thanh Ni	26/07/2008	Nữ	12C6	Tin
5	12000266	Đỗ Thị Xuân Niêm	21/09/2008	Nữ	12C4	Tin
6	12000267	Nguyễn Xuân Nin	10/11/2008	Nam	12C5	Tin
7	12000271	Dương Anh Pháp	14/09/2007	Nam	12C3	Tin
8	12000274	Phạm Tấn Phát	21/02/2008	Nam	12C4	Tin
9	12000276	Võ Văn Phong	04/08/2008	Nam	12C4	Tin
10	12000278	Đỗ Tấn Phong	14/03/2008	Nam	12C1	Tin
11	12000279	Phạm Lưu Phú	17/11/2008	Nam	12C6	Tin
12	12000280	Đồng Văn Phú	27/06/2008	Nam	12C2	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 15

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000007	Nguyễn Văn An	01/05/2010	Nam	10A3	Tin
2	10000009	Huỳnh Vũ Hoàng Anh	07/09/2010	Nam	10A3	Tin
3	10000010	Lê Nguyễn Tuấn Anh	14/04/2010	Nam	10A4	Tin
4	10000012	Võ Ngọc Phương Anh	23/09/2010	Nữ	10A3	Tin
5	10000014	Lý Gia Bảo	22/11/2010	Nam	10A1	Tin
6	10000015	Nguyễn Thái Bảo	09/10/2010	Nam	10A5	Tin
7	10000016	Võ Xuân Bắc	16/01/2010	Nam	10A4	Tin
8	10000019	Phạm Duy Bình	03/09/2010	Nam	10A4	Tin
9	10000021	Trần Hoàng Châu	22/06/2010	Nữ	10A2	Tin
10	10000022	Phạm Hoàng Kim Chung	17/04/2010	Nữ	10A2	Tin
11	10000023	Hà Thanh Chương	24/11/2010	Nam	10A3	Tin
12	10000027	Ngô Thanh Cường	15/05/2010	Nam	10A1	Tin
1	11000305	Đặng Hà Phương	29/11/2009	Nữ	11B9	Địa
2	11000307	Nguyễn Nguyễn Như Phương	18/12/2009	Nữ	11B7	Địa
3	11000309	Nguyễn Thị Phước Quý	26/08/2009	Nữ	11B10	Địa
4	11000310	Nguyễn Thị Cẩm Quyên	27/08/2009	Nữ	11B8	Địa
5	11000311	Phạm Thị Nguyễn Quyên	17/12/2009	Nữ	11B5	Địa
6	11000312	Phan Thị Ngọc Quyên	05/09/2009	Nữ	11B9	Địa
7	11000313	Tiêu Thị Thảo Quyên	08/04/2009	Nữ	11B5	Địa
8	11000316	Nguyễn Văn Quyển	01/04/2009	Nam	11B5	Địa
9	11000317	Mai Nguyễn Xuân Quyết	17/11/2009	Nam	11B6	Địa
10	11000318	Bùi Xuân Quỳnh	25/10/2009	Nam	11B9	Địa
11	11000319	Cao Thị Như Quỳnh	02/11/2009	Nữ	11B11	Địa
12	11000320	Đinh Thị Như Quỳnh	17/07/2009	Nữ	11B6	Địa
1	12000285	Huỳnh Tấn Phước	27/04/2008	Nam	12C1	Tin
2	12000286	Trần Văn Phước	17/10/2008	Nam	12C2	Tin
3	12000290	Ngô Quốc Quân	09/05/2007	Nam	12C7	Tin
4	12000291	Phạm Duy Quân	10/09/2008	Nam	12C4	Tin
5	12000292	Võ Minh Quân	13/10/2008	Nam	12C7	Tin
6	12000294	Lê Thị Kim Quyên	16/08/2008	Nữ	12C3	Tin
7	12000295	Nguyễn Tường Quyên	13/04/2008	Nữ	12C1	Tin
8	12000296	Đỗ Như Quỳnh	20/10/2008	Nữ	12C1	Tin
9	12000299	Nguyễn Như Quỳnh	28/05/2008	Nữ	12C5	Tin
10	12000300	Phạm Như Quỳnh	19/05/2008	Nữ	12C7	Tin
11	12000302	Trần Văn Sang	10/08/2008	Nam	12C4	Tin
12	12000303	Lý Thu Sen	28/10/2008	Nữ	12C6	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 16

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000028	Tô Xuân Cường	19/01/2010	Nam	10A4	Tin
2	10000030	Võ Lâm Cường	28/12/2009	Nam	10A5	Tin
3	10000033	Võ Lâm Hoàng Diệp	12/04/2010	Nữ	10A4	Tin
4	10000036	Trịnh Nguyễn Kim Dung	11/02/2010	Nữ	10A2	Tin
5	10000038	Lê Minh Dũng	28/06/2010	Nam	10A4	Tin
6	10000039	Nguyễn Thanh Dũng	22/08/2010	Nam	10A1	Tin
7	10000040	Nguyễn Văn Tiến Dũng	27/07/2009	Nam	10A5	Tin
8	10000041	Đinh Ngọc Duy	11/01/2010	Nam	10A3	Tin
9	10000043	Huỳnh Hồ Công Dương	12/01/2010	Nam	10A3	Tin
10	10000047	Phạm Tấn Đạt	29/04/2010	Nam	10A3	Tin
11	10000048	Trương Hữu Đạt	28/06/2010	Nam	10A3	Tin
12	10000049	Võ Tuấn Đạt	22/11/2010	Nam	10A3	Tin
1	11000321	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	05/03/2009	Nữ	11B6	Địa
2	11000322	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	30/12/2009	Nữ	11B9	Địa
3	11000323	Trần Như Quỳnh	28/10/2008	Nữ	11B7	Địa
4	11000324	Trần Võ Như Quỳnh	13/05/2009	Nữ	11B6	Địa
5	11000325	Đặng Tấn Rin	20/10/2009	Nam	11B10	Địa
6	11000326	Dương Tấn Sang	15/01/2009	Nam	11B11	Địa
7	11000329	Trương Nhật Sinh	14/03/2009	Nam	11B6	Địa
8	11000332	Bùi Hữu Minh Tâm	26/08/2008	Nam	11B6	Địa
9	11000333	Nguyễn Thị Hồng Tâm	12/05/2009	Nữ	11B6	Địa
10	11000338	Võ Lâm Thái	09/07/2009	Nam	11B10	Địa
11	11000339	Nguyễn Duy Thanh	25/03/2009	Nam	11B5	Địa
12	11000341	Bùi Thanh Thảo	26/05/2009	Nữ	11B5	Địa
1	12000304	Nguyễn Văn Sơn	14/02/2008	Nam	12C2	Tin
2	12000305	Nguyễn Quốc Tài	29/08/2008	Nam	12C3	Tin
3	12000309	Võ Văn Tài	01/04/2008	Nam	12C2	Tin
4	12000310	Bùi Văn Tâm	24/03/2008	Nam	12C1	Tin
5	12000311	Lê Văn Tâm	22/03/2008	Nam	12C6	Tin
6	12000313	Phan Thị Hồng Tâm	15/02/2008	Nữ	12C6	Tin
7	12000314	Thới Văn Tâm	19/01/2008	Nam	12C4	Tin
8	12000315	Nguyễn Phạm Duy Tân	11/10/2008	Nam	12C5	Tin
9	12000317	Kiều Quang Thái	22/07/2008	Nam	12C3	Tin
10	12000318	Trịnh Hồng Thái	10/11/2008	Nam	12C7	Tin
11	12000319	Tiêu Viết Thành	08/10/2008	Nam	12C7	Tin
12	12000320	Võ Phan Nhật Thành	25/02/2008	Nam	12C3	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TUỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 17

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000050	Trương Quang Đệ	20/10/2010	Nam	10A3	Tin
2	10000056	Trương Văn Hải	27/04/2010	Nam	10A1	Tin
3	10000059	Dương Gia Hạo	01/07/2010	Nam	10A1	Tin
4	10000062	Tô Thị Bích Hằng	20/01/2010	Nữ	10A5	Tin
5	10000065	Nguyễn Thị Bảo Hân	19/06/2010	Nữ	10A4	Tin
6	10000066	Trương Nguyễn Gia Hân	03/10/2010	Nữ	10A2	Tin
7	10000067	Võ Gia Hân	02/12/2010	Nam	10A2	Tin
8	10000069	Nguyễn Tấn Hiền	05/08/2010	Nam	10A5	Tin
9	10000073	Tiêu Viết Hiếu	05/02/2010	Nam	10A1	Tin
10	10000074	Bùi Đình Hiệu	10/03/2010	Nam	10A4	Tin
11	10000076	Nguyễn Đức Hoa	25/09/2010	Nam	10A5	Tin
12	10000077	Nguyễn Thị Hoa	02/03/2010	Nữ	10A5	Tin
1	11000343	Bùi Thị Thu Thảo	09/07/2009	Nữ	11B11	Địa
2	11000344	Huỳnh Thị Kim Thảo	22/10/2009	Nữ	11B10	Địa
3	11000345	Nguyễn Ngọc Thảo	21/08/2009	Nữ	11B10	Địa
4	11000346	Nguyễn Thị Thu Thảo	04/07/2009	Nữ	11B11	Địa
5	11000347	Phạm Thị Thanh Thảo	01/03/2009	Nữ	11B7	Địa
6	11000348	Nguyễn Thị Hồng Thắm	15/01/2009	Nữ	11B8	Địa
7	11000350	Phạm Thị Hoàng Thắm	04/01/2009	Nữ	11B8	Địa
8	11000353	Thới Lê Nhất Thiên	06/10/2009	Nam	11B8	Địa
9	11000354	Hồ Ngọc Thiện	25/11/2009	Nam	11B9	Địa
10	11000359	Nguyễn Thành Thịnh	28/05/2009	Nam	11B5	Địa
11	11000361	Bùi Kim Thoa	27/12/2009	Nữ	11B7	Địa
12	11000362	Nguyễn Thái Thông	21/02/2009	Nam	11B10	Địa
1	12000321	Bùi Thị Thu Thảo	10/04/2008	Nữ	12C7	Tin
2	12000323	Nguyễn Thị Thảo	21/06/2008	Nữ	12C1	Tin
3	12000324	Nguyễn Thu Thảo	22/05/2008	Nữ	12C5	Tin
4	12000325	Phạm Thị Thu Thảo	27/08/2008	Nữ	12C1	Tin
5	12000327	Phan Đình Thắng	05/09/2008	Nam	12C1	Tin
6	12000329	Đỗ Nguyễn Thành Thi	11/05/2008	Nam	12C2	Tin
7	12000330	Nguyễn Ngọc ý Thiên	29/11/2008	Nam	12C4	Tin
8	12000331	Võ Duy Thiên	29/11/2008	Nam	12C2	Tin
9	12000332	Võ Tấn Thiên	12/11/2008	Nam	12C2	Tin
10	12000333	Đặng Tấn Thiện	14/01/2008	Nam	12C4	Tin
11	12000334	Nguyễn Thanh Thiện	25/06/2008	Nam	12C1	Tin
12	12000337	Nguyễn Minh Thôi	27/03/2008	Nam	12C5	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 18

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000078	Phan Thị Như Hoa	14/08/2010	Nữ	10A1	Tin
2	10000079	Tô Hiếu Học	22/09/2010	Nam	10A4	Tin
3	10000080	Võ Văn Học	30/03/2010	Nam	10A4	Tin
4	10000081	Cao Nguyễn Thúy Hồng	20/09/2009	Nữ	10A1	Tin
5	10000083	Đỗ Thị Kim Huệ	25/02/2010	Nữ	10A5	Tin
6	10000084	Cao Nguyễn Gia Huy	22/08/2009	Nam	10A5	Tin
7	10000085	Lê Đức Huy	17/09/2009	Nam	10A5	Tin
8	10000086	Lê Thành Huy	08/10/2010	Nam	10A4	Tin
9	10000089	Huỳnh Thị Thúy Huyền	10/12/2010	Nữ	10A2	Tin
10	10000090	Lê Thị Huyền	04/04/2010	Nữ	10A1	Tin
11	10000091	Nguyễn Khánh Huyền	13/03/2010	Nữ	10A4	Tin
12	10000093	Phạm Thị Huyền	21/06/2010	Nữ	10A4	Tin
1	11000364	Nguyễn Thị Thủy	03/12/2009	Nữ	11B6	Địa
2	11000365	Võ Thị Thu Thủy	01/07/2009	Nữ	11B5	Địa
3	11000367	Trương Thị Phương Thúy	01/05/2009	Nữ	11B10	Địa
4	11000368	Lê Thị Thuýn	25/08/2009	Nữ	11B11	Địa
5	11000369	Bùi Nguyễn Khánh Thư	09/08/2009	Nữ	11B11	Địa
6	11000370	Bùi Võ Quý Thư	03/12/2009	Nữ	11B10	Địa
7	11000371	Lê Anh Thư	04/07/2009	Nữ	11B10	Địa
8	11000372	Nguyễn Anh Thư	29/11/2009	Nữ	11B11	Địa
9	11000374	Nguyễn Ngọc Anh Thư	12/07/2009	Nữ	11B7	Địa
10	11000375	Nguyễn Ngọc Anh Thư	26/12/2009	Nữ	11B6	Địa
11	11000376	Nguyễn Phan Anh Thư	29/09/2009	Nữ	11B7	Địa
12	11000377	Nguyễn Thị Anh Thư	25/10/2009	Nữ	11B9	Địa
1	12000338	Phạm Lê Anh Thơ	29/09/2008	Nữ	12C6	Tin
2	12000341	Thới Thị Thuận	29/11/2008	Nữ	12C1	Tin
3	12000343	Đỗ Thị Kim Thủy	12/07/2007	Nữ	12C5	Tin
4	12000344	Võ Ngọc Thanh Thúy	18/08/2008	Nữ	12C3	Tin
5	12000345	Trần Thị Mai Thuýn	25/03/2008	Nữ	12C6	Tin
6	12000346	Bùi Thị Anh Thư	20/07/2008	Nữ	12C6	Tin
7	12000347	Lê Thị Kim Thư	28/03/2008	Nữ	12C6	Tin
8	12000349	Nguyễn Anh Thư	23/02/2008	Nữ	12C1	Tin
9	12000354	Huỳnh Tiêu Diễm Thương	01/04/2008	Nữ	12C3	Tin
10	12000356	Nguyễn Thị Kim Thương	18/11/2008	Nữ	12C1	Tin
11	12000357	Trần Thị Thu Thương	04/02/2008	Nữ	12C1	Tin
12	12000358	Nguyễn Thị Hà Tiên	19/03/2008	Nữ	12C7	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 19

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000095	Huỳnh Đăng Hưng	20/02/2010	Nam	10A3	Tin
2	10000096	Lê Văn Quốc Hưng	25/07/2010	Nam	10A4	Tin
3	10000097	Phạm Tuấn Hưng	15/06/2010	Nam	10A3	Tin
4	10000098	Lê Trương Thanh Hương	29/11/2010	Nữ	10A4	Tin
5	10000101	Nguyễn Hữu	20/04/2010	Nam	10A4	Tin
6	10000102	Nguyễn Thanh Hy	01/02/2010	Nữ	10A2	Tin
7	10000103	Đặng Thành Kha	08/10/2010	Nam	10A2	Tin
8	10000104	Nguyễn Công Kha	25/01/2010	Nam	10A5	Tin
9	10000105	Nguyễn Kha	02/08/2009	Nam	10A3	Tin
10	10000106	Đỗ Nguyên Văn Khải	07/05/2010	Nam	10A3	Tin
11	10000108	Bùi An Khang	16/08/2010	Nam	10A3	Tin
12	10000109	Bùi Hữu Khanh	29/04/2010	Nam	10A4	Tin
1	11000378	Nguyễn Thị Anh Thư	18/12/2009	Nữ	11B10	Địa
2	11000379	Nguyễn Thị Hoài Thư	16/08/2009	Nữ	11B6	Địa
3	11000380	Nguyễn Thị Minh Thư	16/08/2009	Nữ	11B6	Địa
4	11000381	Phạm Thị Anh Thư	08/12/2009	Nữ	11B6	Địa
5	11000382	Tiêu Thị Quỳnh Thư	30/06/2009	Nữ	11B8	Địa
6	11000383	Vũ Thị Anh Thư	20/10/2009	Nữ	11B8	Địa
7	11000384	Nguyễn Thanh Thúc	23/01/2009	Nam	11B10	Địa
8	11000385	Ngô Thị Hoài Thương	27/05/2009	Nữ	11B7	Địa
9	11000387	Bùi Bảo Thy	11/07/2009	Nữ	11B8	Địa
10	11000388	Nguyễn Bảo Thy	15/06/2009	Nữ	11B5	Địa
11	11000390	Nguyễn Huỳnh Hải Thy	21/09/2009	Nữ	11B7	Địa
12	11000391	Huỳnh Đỗ Thủy Tiên	07/01/2009	Nữ	11B5	Địa
1	12000359	Trương Thị Hồng Tiên	20/09/2008	Nữ	12C4	Tin
2	12000360	Phạm Vũ Tiến	19/08/2008	Nam	12C1	Tin
3	12000361	Võ Tấn Tín Tin	25/05/2008	Nam	12C3	Tin
4	12000362	Nguyễn Bá Tín	20/01/2008	Nam	12C5	Tin
5	12000365	Lê Quang Tính	02/11/2008	Nam	12C6	Tin
6	12000368	Trương Huyền Trang	27/03/2008	Nữ	12C6	Tin
7	12000369	Võ Thùy Trang	17/07/2008	Nữ	12C5	Tin
8	12000372	Nguyễn Thùy Trâm	14/01/2008	Nữ	12C3	Tin
9	12000373	Phạm Ngọc Trâm	09/06/2008	Nữ	12C3	Tin
10	12000374	Phạm Thị Thùy Trâm	27/06/2008	Nữ	12C2	Tin
11	12000376	Tiêu Thị Trâm	19/09/2008	Nữ	12C6	Tin
12	12000377	Trần Thị Minh Ngọc Bảo Trâm	03/07/2008	Nữ	12C7	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 20

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000111	Phùng Thanh Khiêm	24/10/2010	Nam	10A4	Tin
2	10000112	Nguyễn Văn Khoa	20/11/2010	Nam	10A5	Tin
3	10000113	Võ Anh Khoa	22/07/2010	Nam	10A2	Tin
4	10000114	Nguyễn Duy Khôi	07/12/2009	Nam	10A5	Tin
5	10000116	Nguyễn Minh Khôi	02/07/2010	Nam	10A4	Tin
6	10000117	Nguyễn Văn Khôi	16/03/2010	Nam	10A2	Tin
7	10000118	Nguyễn Văn Khôi	18/10/2010	Nam	10A4	Tin
8	10000120	Dương Thị Mỹ Kiều	14/09/2010	Nữ	10A5	Tin
9	10000122	Trần Hoàng Kim	22/06/2010	Nữ	10A2	Tin
10	10000123	Nguyễn Hoàng Lai	24/04/2010	Nữ	10A1	Tin
11	10000124	Vy Ngọc Lâm	05/01/2010	Nam	10A5	Tin
12	10000127	Võ Tấn Linh	05/10/2010	Nam	10A2	Tin
1	11000392	Lê Thị Kim Tiên	02/04/2009	Nữ	11B9	Địa
2	11000393	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	23/03/2009	Nữ	11B9	Địa
3	11000395	Võ Thị Kim Tiên	19/03/2009	Nữ	11B10	Địa
4	11000396	Trần Mạnh Tiến	12/04/2009	Nam	11B9	Địa
5	11000397	Nguyễn Tấn Tinh	12/02/2009	Nam	11B9	Địa
6	11000398	Trần Thị Kim Tỏa	27/01/2009	Nữ	11B9	Địa
7	11000400	Thiều Hữu Bảo Toàn	03/11/2009	Nam	11B7	Địa
8	11000408	Lê Đặng Thùy Trâm	03/03/2009	Nữ	11B10	Địa
9	11000409	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	11/02/2009	Nữ	11B9	Địa
10	11000410	Phạm Minh Trâm	31/08/2009	Nữ	11B9	Địa
11	11000411	Phạm Thị Mai Trâm	02/05/2009	Nữ	11B7	Địa
12	11000412	Tiêu Bảo Trâm	19/05/2009	Nữ	11B11	Địa
1	12000378	Võ Thị Kiều Trâm	26/09/2008	Nữ	12C5	Tin
2	12000379	Võ Thị Trâm	03/12/2008	Nữ	12C7	Tin
3	12000382	Trần Minh Trí	17/02/2008	Nam	12C6	Tin
4	12000383	Nguyễn Văn Triết	28/12/2008	Nam	12C2	Tin
5	12000384	Cao Thị Huyền Trinh	17/09/2008	Nữ	12C1	Tin
6	12000385	Huỳnh Thị Trinh	26/04/2008	Nữ	12C1	Tin
7	12000387	Tiêu Thị Mỹ Trinh	14/10/2008	Nữ	12C5	Tin
8	12000388	Nguyễn Phúc Trọng	08/08/2008	Nam	12C5	Tin
9	12000389	Nguyễn Ngọc Diễm Trúc	31/08/2008	Nữ	12C5	Tin
10	12000390	Lê Quang Trung	20/08/2008	Nam	12C4	Tin
11	12000391	Nguyễn Đức Trung	11/07/2008	Nam	12C7	Tin
12	12000394	Phạm Vũ Quang Trường	06/03/2008	Nam	12C2	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 21

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000128	Đoàn Trần Quỳnh Loan	31/05/2010	Nữ	10A5	Tin
2	10000129	Võ Nữ Tiểu Long	19/04/2010	Nữ	10A4	Tin
3	10000131	Nguyễn Thành Luân	05/02/2010	Nam	10A3	Tin
4	10000134	Võ Thị Kim Ly	07/06/2010	Nữ	10A5	Tin
5	10000136	Đoàn Lê Bình Minh	03/05/2010	Nữ	10A2	Tin
6	10000138	Trần Quang Minh	30/03/2010	Nam	10A2	Tin
7	10000142	Lê Vũ Trà My	10/03/2010	Nữ	10A5	Tin
8	10000144	Phạm Vũ Kiều My	09/11/2010	Nữ	10A5	Tin
9	10000145	Trương Thị Hiền My	28/07/2010	Nữ	10A1	Tin
10	10000150	Đỗ Thị Vi Na	19/06/2010	Nữ	10A2	Tin
11	10000151	Nguyễn Đỗ A Na	04/12/2010	Nữ	10A5	Tin
12	10000156	Nguyễn Nhật Nam	19/11/2010	Nam	10A3	Tin
1	11000416	Phan Văn Triết	23/12/2009	Nam	11B6	Địa
2	11000417	Nguyễn Ngọc Bảo Trinh	28/02/2009	Nữ	11B10	Địa
3	11000418	Nguyễn Thị Kiều Trinh	29/12/2009	Nữ	11B9	Địa
4	11000419	Phạm Trương Trinh	20/11/2009	Nữ	11B10	Địa
5	11000420	Võ Ngọc Trịnh	22/10/2009	Nam	11B9	Địa
6	11000421	Hà Lê Minh Trọng	01/05/2009	Nam	11B9	Địa
7	11000424	Lê Thị Minh Trúc	21/04/2009	Nữ	11B5	Địa
8	11000426	Nguyễn Chí Trung	15/06/2009	Nam	11B10	Địa
9	11000428	Nguyễn Huỳnh Phi Trường	22/09/2009	Nam	11B8	Địa
10	11000430	Nguyễn Thanh Đan Trường	16/08/2008	Nam	11B11	Địa
11	11000434	Phan Bùi Tuấn Tú	31/01/2009	Nam	11B8	Địa
12	11000437	Nguyễn Thanh Tuấn	30/05/2009	Nam	11B8	Địa
1	12000396	Trương Gia Trường	30/05/2008	Nam	12C4	Tin
2	12000397	Nguyễn Văn Trường	28/05/2008	Nam	12C2	Tin
3	12000399	Nguyễn Viết Tuấn	12/02/2008	Nam	12C1	Tin
4	12000400	Đỗ Quốc Tuấn	28/06/2008	Nam	12C6	Tin
5	12000401	Huỳnh Quốc Tuấn	24/05/2008	Nam	12C4	Tin
6	12000402	Lê Minh Tuấn	20/09/2008	Nam	12C4	Tin
7	12000403	Đỗ Hữu Tùng	19/07/2008	Nam	12C4	Tin
8	12000404	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/06/2008	Nữ	12C3	Tin
9	12000405	Phạm Ánh Tuyền	08/07/2008	Nữ	12C2	Tin
10	12000408	Trương Xuân Tường	09/11/2008	Nam	12C4	Tin
11	12000410	Nguyễn Thị Uyên	23/12/2008	Nữ	12C6	Tin
12	12000411	Võ Nguyễn Tú Uyên	12/11/2008	Nữ	12C3	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 22

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000158	Phạm Thị Thanh Nga	23/08/2010	Nữ	10A5	Tin
2	10000159	Bùi Thị Thanh Ngân	11/12/2010	Nữ	10A1	Tin
3	10000161	Nguyễn Thị Kim Ngân	14/05/2010	Nữ	10A5	Tin
4	10000164	Trương Thị Mỹ Ngân	23/09/2010	Nữ	10A4	Tin
5	10000166	Võ Thị Kim Ngân	17/06/2010	Nữ	10A2	Tin
6	10000168	Bùi Thị Kim Nghi	18/09/2010	Nữ	10A3	Tin
7	10000172	Lại Phạm Ánh Ngọc	21/08/2010	Nữ	10A5	Tin
8	10000174	Võ Bảo Ngọc	08/06/2010	Nữ	10A1	Tin
9	10000175	Huỳnh Thảo Nguyên	29/03/2010	Nữ	10A1	Tin
10	10000176	Nguyễn Hạnh Nguyên	20/09/2010	Nữ	10A2	Tin
11	10000180	Nguyễn Thành Nhân	09/06/2010	Nam	10A2	Tin
12	10000181	Nguyễn Việt Nhân	23/06/2010	Nam	10A4	Tin
1	11000438	Nguyễn Thanh Tuấn	07/04/2009	Nam	11B10	Địa
2	11000439	Phạm Quốc Tuấn	16/10/2009	Nam	11B6	Địa
3	11000441	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	20/02/2009	Nữ	11B9	Địa
4	11000442	Nguyễn Văn Tuyền	07/07/2009	Nam	11B5	Địa
5	11000443	Đỗ Phạm Ánh Tuyết	25/10/2009	Nữ	11B11	Địa
6	11000444	Nguyễn Thị Tuyết	10/07/2009	Nữ	11B5	Địa
7	11000445	Nguyễn Văn Tý	28/11/2009	Nam	11B9	Địa
8	11000446	Bùi Ngọc Phương Uyên	18/10/2009	Nữ	11B11	Địa
9	11000447	Phạm Khả Uyên	26/07/2009	Nữ	11B6	Địa
10	11000449	Nguyễn Thị Ván	24/10/2009	Nữ	11B8	Địa
11	11000451	Phạm Thị Yến Vi	30/04/2009	Nữ	11B9	Địa
12	11000452	Phạm Vương Vĩ	16/05/2009	Nam	11B5	Địa
1	12000413	Lê Thị Vi	09/04/2008	Nữ	12C5	Tin
2	12000414	Ngô Thị Tường Vi	08/12/2008	Nữ	12C7	Tin
3	12000415	Võ Thị Tường Vi	27/07/2008	Nữ	12C4	Tin
4	12000416	Bùi Huy Vi	15/10/2008	Nam	12C7	Tin
5	12000419	Tạ Đình Viễn	21/03/2008	Nam	12C3	Tin
6	12000420	Nguyễn Thanh Việt	19/05/2008	Nam	12C2	Tin
7	12000421	Võ Hoàng Việt	30/10/2008	Nam	12C5	Tin
8	12000423	Nguyễn Quốc Vin	25/10/2008	Nam	12C4	Tin
9	12000424	Đặng Tấn Vinh	04/11/2008	Nam	12C7	Tin
10	12000427	Nguyễn Trung Vũ	16/05/2008	Nam	12C3	Tin
11	12000428	Nông Công Vũ	02/10/2008	Nam	12C4	Tin
12	12000430	Bùi Thị Uyên Vy	05/05/2008	Nữ	12C3	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 23

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000182	Đồng Thị Kim Nhật	11/12/2010	Nữ	10A5	Tin
2	10000185	Phạm Tấn Nhật	04/07/2010	Nam	10A1	Tin
3	10000186	Võ Tuấn Nhật	27/06/2010	Nam	10A1	Tin
4	10000189	Lê Nguyễn Ái Nhi	01/12/2010	Nữ	10A2	Tin
5	10000190	Nguyễn Thị Yến Nhi	07/04/2010	Nữ	10A4	Tin
6	10000191	Nguyễn Trần Tuệ Nhi	09/09/2010	Nữ	10A5	Tin
7	10000192	Phạm Nguyễn Yến Nhi	26/02/2010	Nữ	10A2	Tin
8	10000196	Bùi Thị Tâm Như	12/08/2009	Nữ	10A5	Tin
9	10000198	Đỗ Thị Quỳnh Như	19/11/2010	Nữ	10A5	Tin
10	10000199	Đỗ Thùy Ý Như	20/07/2010	Nữ	10A5	Tin
11	10000203	Tạ Hoàng Yến Như	01/01/2010	Nữ	10A5	Tin
12	10000206	Nguyễn Tấn Phát	02/12/2009	Nam	10A4	Tin
1	11000453	Đặng Lan Viên	14/11/2009	Nữ	11B8	Địa
2	11000454	Hồ Võ Anh Việt	10/01/2009	Nam	11B5	Địa
3	11000455	Nguyễn Duy Việt	01/09/2009	Nam	11B10	Địa
4	11000457	Đỗ Hữu Vin	17/09/2009	Nam	11B10	Địa
5	11000458	Lê Phạm Văn Vin	01/08/2009	Nam	11B9	Địa
6	11000459	Bùi Anh Võ	07/09/2008	Nam	11B5	Địa
7	11000460	Dương Thế Vũ	01/10/2009	Nam	11B10	Địa
8	11000461	Đỗ Ngọc Vũ	20/10/2009	Nam	11B10	Địa
9	11000462	Phạm Hoàng Vũ	16/04/2009	Nam	11B11	Địa
10	11000464	Lê Quang Vương	08/02/2009	Nam	11B5	Địa
11	11000466	Trương Thanh Vương	17/10/2009	Nam	11B6	Địa
12	11000467	Đặng Thị Nhật Vy	26/10/2009	Nữ	11B10	Địa
1	12000431	Dương Thị Tường Vy	08/11/2008	Nữ	12C6	Tin
2	12000432	Nguyễn Thị Minh Vy	15/02/2008	Nữ	12C4	Tin
3	12000433	Nguyễn Thị Mỹ Vy	11/04/2008	Nữ	12C3	Tin
4	12000434	Trần Thị Yến Vy	16/01/2008	Nữ	12C1	Tin
5	12000435	Võ Thị Yến Vy	22/10/2008	Nữ	12C2	Tin
6	12000437	Trần Hoàng Xuyên	02/02/2008	Nữ	12C4	Tin
7	12000438	Bùi Thị Như ý	21/01/2008	Nữ	12C3	Tin
8	12000439	Đỗ Thị Như ý	14/05/2008	Nữ	12C6	Tin
9	12000440	Phạm Thanh Ý	12/06/2008	Nam	12C4	Tin
10	12000441	Nguyễn Thế Yên	10/01/2008	Nam	12C2	Tin
11	12000442	Nguyễn Thị Kim Yên	11/06/2008	Nữ	12C7	Tin
12	12000443	Phù Kim Yên	14/01/2008	Nữ	12C1	Tin

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 24

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000209	Đinh Xuân Phúc	24/02/2010	Nam	10A1	Tin
2	10000216	Tiêu Thị Phụng	09/02/2010	Nữ	10A5	Tin
3	10000218	Trương Minh Quân	10/12/2010	Nam	10A4	Tin
4	10000219	Lê Võ Quang Quốc	29/10/2010	Nam	10A3	Tin
5	10000220	Nguyễn Thị Thùy Quyên	06/07/2010	Nữ	10A3	Tin
6	10000222	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	13/09/2010	Nữ	10A1	Tin
7	10000226	Nguyễn Lâm Chí Sang	26/11/2010	Nam	10A1	Tin
8	10000227	Phan Đức Sơn	20/06/2010	Nam	10A1	Tin
9	10000228	Ngô Đức Tài	19/10/2010	Nam	10A3	Tin
10	10000229	Trần Thiên Tạo	27/04/2010	Nam	10A3	Tin
11	10000232	Trịnh Thị Minh Tâm	06/08/2010	Nữ	10A5	Tin
12	10000233	Phan Nhật Tân	05/07/2010	Nam	10A3	Tin
1	11000468	Phạm Hà Vy	12/04/2009	Nữ	11B8	Địa
2	11000469	Trần Phạm Thanh Vy	01/08/2009	Nữ	11B9	Địa
3	11000470	Lê Thị Kim Xuân	27/08/2009	Nữ	11B10	Địa
4	11000471	Bùi Hà Như Ý	07/07/2009	Nữ	11B9	Địa
5	11000475	Phạm Thị Yên	08/04/2009	Nữ	11B5	Địa
6	11000477	Mai Bảo Yến	17/12/2009	Nữ	11B11	Địa
7	11000478	Nguyễn Hoàng Kim Yến	29/04/2009	Nữ	11B10	Địa
8	11000479	Nguyễn Thị Phi Yến	04/02/2009	Nữ	11B10	Địa
9	11000480	Trần Thị Hải Yến	17/06/2009	Nữ	11B6	Địa
10	11000481	Võ Thị Bảo Yến	08/10/2009	Nữ	11B5	Địa
11	11000482	Võ Thị Bảo Yến	08/09/2009	Nữ	11B7	Địa
12	11000483	Võ Thị Kim Yến	16/07/2009	Nữ	11B11	Địa
1	12000001	Hoàng Bảo An	23/07/2007	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
2	12000002	Nguyễn Văn An	01/02/2007	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
3	12000004	Đỗ Vũ Trâm Anh	12/06/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
4	12000006	Nguyễn Văn Anh	28/06/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
5	12000007	Nguyễn Ý Anh	15/01/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
6	12000010	Bùi Hoàng My Ân	30/07/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
7	12000015	Dương Chan Bin	14/01/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
8	12000016	Võ Duy Bin	18/04/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
9	12000019	Trương Công Chánh	01/07/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
10	12000022	Nguyễn Thị Kim Chi	28/05/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
11	12000023	Trương Thị Mỹ Chi	19/02/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
12	12000031	Nguyễn Việt Cường	08/07/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 25

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000234	Dương Quang Thái	06/09/2010	Nam	10A1	Tin
2	10000235	Phạm Phú Thành	01/01/2010	Nam	10A1	Tin
3	10000236	Hồ Thị Thu Thảo	14/02/2010	Nữ	10A2	Tin
4	10000238	Quảng Thị Phương Thảo	02/08/2010	Nữ	10A5	Tin
5	10000239	Võ Minh Thảo	31/03/2010	Nam	10A3	Tin
6	10000241	Nguyễn Thạch Thiên	22/06/2010	Nam	10A4	Tin
7	10000242	Phạm Thanh Thiên	16/07/2010	Nam	10A2	Tin
8	10000243	Trần Ngọc Thiện	24/01/2010	Nam	10A4	Tin
9	10000244	Trần Thị Thiện	26/12/2010	Nữ	10A5	Tin
10	10000245	Võ Nguyễn Gia Thiệu	20/06/2010	Nam	10A2	Tin
11	10000246	Đoàn Tấn Thịnh	06/06/2010	Nam	10A2	Tin
12	10000247	Phạm Duy Thịnh	22/04/2010	Nam	10A3	Tin
1	11000001	Nguyễn Thành An	20/10/2009	Nam	11B4	Hóa
2	11000003	Nguyễn Đức Anh	19/09/2009	Nam	11B4	Hóa
3	11000004	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	13/12/2009	Nữ	11B12	Hóa
4	11000006	Phạm Trần Tú Anh	24/04/2009	Nữ	11B2	Hóa
5	11000007	Trương Võ Hoàng Anh	24/06/2009	Nam	11B3	Hóa
6	11000008	Lê Thụy Thùy Ánh	27/06/2009	Nữ	11B4	Hóa
7	11000009	Nguyễn Hoàng Ân	26/04/2009	Nam	11B1	Hóa
8	11000011	Cao Chí Bảo	09/08/2009	Nam	11B3	Hóa
9	11000012	Nguyễn Duy Bảo	11/11/2009	Nam	11B12	Hóa
10	11000016	Phạm Minh Bảo	26/09/2009	Nam	11B1	Hóa
11	11000018	Phạm Xuân Bắc	11/11/2009	Nam	11B2	Hóa
12	11000023	Đỗ Minh Châu	11/05/2009	Nữ	11B3	Hóa
1	12000033	Bùi Quang Danh	27/08/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
2	12000034	Hồ Ngọc Diễm	07/12/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
3	12000035	Trần Thị Hồng Diễm	27/03/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
4	12000045	Huỳnh Hải Duy	17/02/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
5	12000047	Nguyễn Ái Phi Duy	04/01/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
6	12000051	Đặng Thùy Duyên	24/05/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
7	12000052	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	18/07/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
8	12000056	Lê Văn Đạt	02/07/2008	Nam	12C8	KTPL(C8->11)
9	12000059	Phạm Đặng Thành Đạt	31/10/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
10	12000061	Ngô Văn Diễm	25/10/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
11	12000062	Nguyễn Ngọc Diệp	25/01/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
12	12000070	Nguyễn Thị Hương Giang	17/02/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 26

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000248	Phan Văn Thịnh	18/06/2010	Nam	10A3	Tin
2	10000249	Võ Đức Thịnh	11/01/2010	Nam	10A4	Tin
3	10000252	Nguyễn Thị Minh Thu	25/09/2010	Nữ	10A5	Tin
4	10000254	Lê Minh Thuận	01/06/2010	Nam	10A3	Tin
5	10000263	Thới Thị Anh Thư	08/10/2010	Nữ	10A5	Tin
6	10000267	Nguyễn Hữu My Thương	06/05/2010	Nữ	10A3	Tin
7	10000268	Phạm Đỗ Ngọc Thương	12/12/2010	Nữ	10A1	Tin
8	10000269	Bùi Bảo Thy	09/09/2010	Nữ	10A2	Tin
9	10000270	Phạm Thị Khánh Thy	02/11/2010	Nữ	10A2	Tin
10	10000271	Đỗ Nguyễn Ngọc Tiên	15/09/2010	Nữ	10A3	Tin
11	10000275	Nguyễn Thị Việt Tiên	24/08/2010	Nữ	10A4	Tin
12	10000276	Trần Thị Thủy Tiên	29/08/2010	Nữ	10A2	Tin
1	11000025	Nguyễn Thị Diệu Châu	09/09/2009	Nữ	11B1	Hóa
2	11000026	Nguyễn Thị Kim Châu	30/05/2009	Nữ	11B1	Hóa
3	11000028	Đỗ Thị Thùy Chi	12/09/2009	Nữ	11B4	Hóa
4	11000030	Phạm Thùy Chi	06/06/2009	Nữ	11B1	Hóa
5	11000031	Bùi Đức Chí	21/10/2009	Nam	11B2	Hóa
6	11000035	Nguyễn Thành Chương	02/03/2009	Nam	11B2	Hóa
7	11000036	Trần Văn Công	25/02/2009	Nam	11B4	Hóa
8	11000037	Võ Thành Công	10/06/2009	Nam	11B12	Hóa
9	11000039	Nguyễn Đặng Thành Danh	06/09/2009	Nam	11B1	Hóa
10	11000044	Vũ Thị Ái Diễm	01/10/2009	Nữ	11B2	Hóa
11	11000047	Tiêu Tuấn Du	16/03/2009	Nam	11B4	Hóa
12	11000048	Nguyễn Tiến Dũng	22/06/2009	Nam	11B12	Hóa
1	12000071	Nguyễn Trần Trà Giang	24/12/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
2	12000073	Đồng Thị Thanh Hà	30/05/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
3	12000075	Nguyễn Thị Ngọc Hà	18/05/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
4	12000080	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	18/01/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
5	12000083	Phan Thị Hằng	30/04/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
6	12000084	Phù Thị Lệ Hằng	10/10/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
7	12000087	Võ Trương Thị Gia Hân	16/05/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
8	12000088	Đỗ Trung Hậu	06/01/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
9	12000089	Phan Thị Hậu	24/10/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
10	12000095	Võ Vương Anh Hiếu	21/08/2008	Nam	12C8	KTPL(C8->11)
11	12000096	Trần Lê Thu Hoài	16/01/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
12	12000097	Phạm Quốc Hoàng	22/09/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 27

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000277	Nguyễn Văn Tiến	01/02/2010	Nam	10A2	Tin
2	10000278	Đinh Thị Kim Tiết	13/06/2010	Nữ	10A5	Tin
3	10000281	Nguyễn Việt Tịnh	12/11/2010	Nam	10A3	Tin
4	10000282	Nguyễn Thị Huyền Trang	29/05/2010	Nữ	10A1	Tin
5	10000286	Phan Thị Thùy Trang	08/11/2010	Nữ	10A4	Tin
6	10000287	Trần Võ Phương Trang	18/02/2010	Nữ	10A5	Tin
7	10000291	Nguyễn Thị Bảo Trâm	25/02/2010	Nữ	10A2	Tin
8	10000293	Nguyễn Hà Nhật Tri	15/01/2010	Nam	10A3	Tin
9	10000294	Nguyễn Văn Trí	16/12/2010	Nam	10A1	Tin
10	10000295	Nguyễn Thị Hải Triều	27/02/2010	Nữ	10A3	Tin
11	10000296	Cao Nhật Trình	08/09/2010	Nam	10A4	Tin
12	10000298	Dương Phi Trường	16/01/2010	Nam	10A1	Tin
1	11000049	Phạm Bá Duy	08/06/2009	Nam	11B1	Hóa
2	11000050	Trương Quốc Duy	26/03/2009	Nam	11B2	Hóa
3	11000058	Trần Mỹ Duyên	02/03/2009	Nữ	11B4	Hóa
4	11000059	Nguyễn Minh Dương	10/06/2009	Nam	11B2	Hóa
5	11000061	Trần Thị Ngọc Dương	04/01/2009	Nữ	11B3	Hóa
6	11000063	Trịnh Quốc Đại	28/03/2009	Nam	11B4	Hóa
7	11000065	Nguyễn Kim Đan	27/09/2009	Nữ	11B3	Hóa
8	11000066	Nguyễn Thị Minh Hoài Đan	29/01/2009	Nữ	11B1	Hóa
9	11000070	Ngô Anh Đức	06/12/2009	Nam	11B4	Hóa
10	11000071	Nguyễn Hồ Huỳnh Đức	29/05/2009	Nam	11B3	Hóa
11	11000076	Nguyễn Hiếu Hà	09/11/2009	Nữ	11B1	Hóa
12	11000077	Nguyễn Thị Ngọc Hà	23/09/2009	Nữ	11B12	Hóa
1	12000099	Nguyễn Hoàng Hoanh	04/02/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
2	12000100	Trần Đình Hội	09/11/2008	Nam	12C8	KTPL(C8->11)
3	12000101	Ngô Thị Kim Hồng	07/10/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
4	12000106	Lê Thanh Hùng	19/02/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
5	12000108	Nguyễn Đoàn Hoàng Huy	01/03/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
6	12000109	Nguyễn Hữu Huy	15/10/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
7	12000110	Nguyễn Phạm Gia Huy	07/11/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
8	12000111	Nguyễn Trung Huy	21/10/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
9	12000116	Võ Nguyễn Gia Huyền	15/07/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
10	12000118	Nguyễn Cao Trang Huyền	12/11/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
11	12000120	Phạm Hoàng Huynh	08/03/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
12	12000121	Võ Duy Huynh	20/01/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 28

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000300	Huỳnh Cẩm Tú	02/04/2010	Nữ	10A1	Tin
2	10000302	Nguyễn Anh Tuấn	31/05/2010	Nam	10A4	Tin
3	10000303	Nguyễn Thanh Tuấn	21/01/2010	Nam	10A4	Tin
4	10000304	Trương Quang Tuấn	17/09/2010	Nam	10A3	Tin
5	10000307	Nguyễn Ngọc Tuyền	30/01/2010	Nữ	10A2	Tin
6	10000308	Võ Ngọc Phượng Tuyền	25/07/2010	Nữ	10A2	Tin
7	10000311	Lê Võ Tú Uyên	22/07/2010	Nữ	10A5	Tin
8	10000313	Hồ Thị Hương Vân	08/07/2010	Nữ	10A3	Tin
9	10000317	Võ Đại Vĩ	20/01/2010	Nam	10A2	Tin
10	10000321	Trương Công Vinh	24/04/2010	Nam	10A4	Tin
11	10000322	Kiều Duy Vũ	08/08/2010	Nam	10A3	Tin
12	10000323	Phan Thị Ngọc Vui	18/09/2010	Nữ	10A2	Tin
1	11000078	Trần Võ Như Hà	15/07/2009	Nữ	11B12	Hóa
2	11000080	Đồng Thanh Hải	22/02/2009	Nam	11B1	Hóa
3	11000081	Lý Hải	19/01/2009	Nam	11B2	Hóa
4	11000082	Phạm Minh Hải	29/07/2009	Nam	11B12	Hóa
5	11000083	Phạm Trung Hải	22/06/2009	Nam	11B12	Hóa
6	11000084	Phạm Thị Hạnh	06/06/2009	Nữ	11B2	Hóa
7	11000085	Trần Minh Hào	19/11/2009	Nam	11B1	Hóa
8	11000088	Trịnh Thị Thúy Hằng	19/03/2008	Nữ	11B12	Hóa
9	11000093	Bùi Thị Thu Hiền	02/07/2009	Nữ	11B4	Hóa
10	11000094	Huỳnh Thị Hiền	02/07/2009	Nữ	11B2	Hóa
11	11000095	Phạm Thanh Hiền	10/02/2009	Nam	11B1	Hóa
12	11000097	Đặng Tấn Hiếu	07/06/2009	Nam	11B2	Hóa
1	12000127	Tạ Thị ái Hương	24/10/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
2	12000131	Đinh Tuấn Khải	20/10/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
3	12000133	Nguyễn Đức Khải	06/04/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
4	12000139	Đỗ Thị Mỹ Khánh	17/01/2007	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
5	12000140	Đỗ Trần Khánh	02/06/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
6	12000142	Lê Thị Hồng Khiết	08/09/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
7	12000143	Bùi Lâm Khoa	22/02/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
8	12000144	Nguyễn Đặng Anh Khoa	07/06/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
9	12000153	Đỗ Anh Kiệt	07/10/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
10	12000155	Trần Đình Kiệt	03/11/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
11	12000157	Trịnh Anh Kiệt	11/11/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
12	12000159	Võ Thị Kiều	17/06/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 29

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000324	Châu Lâm Hạnh Vy	25/01/2010	Nữ	10A5	Tin
2	10000325	Nguyễn Thị Hà Vy	18/07/2010	Nữ	10A1	Tin
3	10000326	Nguyễn Thị Tường Vy	28/02/2010	Nữ	10A3	Tin
4	10000328	Tổng Thị Tường Vy	14/07/2010	Nữ	10A1	Tin
5	10000331	Nguyễn Châu Khả Ý	27/08/2010	Nữ	10A2	Tin
6	10000332	Nguyễn Lâm Ý	10/09/2010	Nam	10A4	Tin
7	10000336	Nguyễn Thị Hải Yến	02/10/2010	Nữ	10A3	Tin
1	11000098	Nguyễn Duy Hiếu	04/10/2009	Nam	11B3	Hóa
2	11000099	Nguyễn Như Hiếu	04/10/2009	Nữ	11B2	Hóa
3	11000101	Phạm Văn Hiếu	27/07/2009	Nam	11B3	Hóa
4	11000102	Lê Thị Thúy Hoa	09/04/2009	Nữ	11B3	Hóa
5	11000107	Nguyễn Đức Huy	29/08/2009	Nam	11B3	Hóa
6	11000108	Nguyễn Đức Huy	25/12/2009	Nam	11B2	Hóa
7	11000109	Nguyễn Thành Huy	30/10/2009	Nam	11B2	Hóa
8	11000112	Phan Nguyễn Nhất Huy	26/11/2009	Nam	11B1	Hóa
9	11000113	Tiêu Quang Huy	12/09/2009	Nam	11B4	Hóa
10	11000115	Võ Khắc Huy	08/07/2009	Nam	11B12	Hóa
11	11000116	Hồ Thị Ngọc Huyền	30/06/2009	Nữ	11B12	Hóa
12	11000121	Lê Mạnh Hường	13/08/2009	Nam	11B2	Hóa
1	12000160	Huỳnh Lê Kin	25/06/2008	Nam	12C8	KTPL(C8->11)
2	12000163	Bùi Trọng Lâm	24/08/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
3	12000166	Lê Thị Kim Liên	20/10/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
4	12000167	Võ Thị Liễu	27/12/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
5	12000168	Bùi Thị Thùy Linh	09/03/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
6	12000171	Nguyễn Ngọc ánh Linh	11/07/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
7	12000175	Nguyễn Thị Ngọc Loan	09/08/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
8	12000176	Võ Phước Lộc	05/11/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
9	12000184	Bùi Võ Triết Lý	21/05/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
10	12000185	Đỗ Hữu Lý	04/12/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
11	12000187	Trần Đức Mạnh	14/12/2007	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
12	12000189	Nguyễn Thanh Bình Minh	24/06/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TUỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 30

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000122	Nguyễn Minh Hữu	07/06/2009	Nam	11B4	Hóa
2	11000124	Nguyễn Anh Kha	22/09/2009	Nam	11B2	Hóa
3	11000125	Nguyễn Công Kha	12/12/2009	Nam	11B3	Hóa
4	11000126	Nguyễn Hồng Khải	15/10/2009	Nam	11B1	Hóa
5	11000127	Nguyễn Xuân Khải	13/01/2009	Nam	11B3	Hóa
6	11000130	Nguyễn Tấn Khang	05/02/2009	Nam	11B4	Hóa
7	11000132	Nguyễn Vũ Khang	01/08/2008	Nam	11B4	Hóa
8	11000133	Lê Bùi Thục Khanh	10/01/2009	Nữ	11B1	Hóa
9	11000138	Vũ Hoàng Quốc Khánh	17/08/2009	Nam	11B3	Hóa
10	11000140	Đỗ Đăng Khoa	18/04/2009	Nam	11B12	Hóa
11	11000141	Nguyễn Bá Khoa	13/09/2009	Nam	11B3	Hóa
12	11000144	Nguyễn Đăng Khoa	12/07/2009	Nam	11B2	Hóa
1	12000190	Nguyễn Thị Hồng Minh	20/07/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
2	12000193	Phan Thị Mụi	30/04/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
3	12000194	Phạm Dương Tiểu Muội	10/09/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
4	12000198	Phạm Kiều My	06/04/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
5	12000200	Quảng Thị My	31/07/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
6	12000201	Thới Thị Hoài My	13/03/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
7	12000202	Võ Hoài My	11/07/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
8	12000203	Bùi Thị Na Na	03/09/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
9	12000204	Đỗ Thị Na Na	31/05/2007	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
10	12000205	Nhan Thị Ly Na	05/01/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
11	12000206	Phan Lê Ni Na	18/10/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
12	12000207	Đỗ Hồng Nam	02/12/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 31

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000146	Phan Tấn Khôi	17/11/2009	Nam	11B3	Hóa
2	11000149	Nguyễn Bảo Khuyên	20/08/2009	Nữ	11B2	Hóa
3	11000150	Nguyễn Đức Kiên	01/01/2009	Nam	11B1	Hóa
4	11000152	Phù Trung Kiên	04/05/2009	Nam	11B2	Hóa
5	11000153	Đoàn Võ Duy Kiệt	21/06/2009	Nam	11B3	Hóa
6	11000156	Võ Duy Kiệt	14/09/2009	Nam	11B3	Hóa
7	11000157	Võ Hoàng Kiệt	16/01/2009	Nam	11B2	Hóa
8	11000159	Nguyễn Tấn Kính	29/03/2008	Nam	11B4	Hóa
9	11000160	Nguyễn Bá Kỳ	18/09/2009	Nam	11B12	Hóa
10	11000162	Nguyễn Đức Bảo Lâm	29/04/2009	Nam	11B4	Hóa
11	11000163	Vũ Hoài Gia Lê	03/10/2009	Nữ	11B3	Hóa
12	11000167	Trịnh Hoài Linh	09/04/2009	Nam	11B2	Hóa
1	12000208	Nguyễn Bảo Nam	24/09/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
2	12000213	Nguyễn Thị Ngà	07/05/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
3	12000214	Bùi Thị Bích Ngân	02/09/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
4	12000215	Bùi Thị Kim Ngân	06/05/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
5	12000218	Lê Nguyệt Ngân	24/01/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
6	12000219	Nguyễn Thị Ngân	09/10/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
7	12000221	Nguyễn Thùy Ngân	09/08/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
8	12000227	Võ Nguyễn Kim Ngân	15/12/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
9	12000228	Phạm Thị Hoàng Nghi	05/11/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
10	12000229	Phù Trung Nghĩa	22/05/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
11	12000236	Võ Minh Tây Nguyên	14/12/2007	Nam	12C8	KTPL(C8->11)
12	12000240	Phan Thị Thanh Nhân	12/04/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 32

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000170	Võ Thị Mỹ Linh	14/03/2009	Nữ	11B1	Hóa
2	11000172	Võ Hoàng Long	29/07/2009	Nam	11B4	Hóa
3	11000173	Trần Tấn Lồng	25/09/2008	Nam	11B3	Hóa
4	11000174	Lê Trung Luân	08/12/2009	Nam	11B3	Hóa
5	11000175	Thới Văn Luân	17/04/2009	Nam	11B3	Hóa
6	11000176	Võ Đức Lưu	19/10/2009	Nam	11B2	Hóa
7	11000178	Nguyễn Gia Ly	11/12/2009	Nữ	11B12	Hóa
8	11000180	Trần Thị Yến Ly	22/06/2009	Nữ	11B4	Hóa
9	11000184	Nguyễn Duy Mạnh	08/06/2009	Nam	11B12	Hóa
10	11000186	Trần Nhất Mao	06/11/2009	Nam	11B3	Hóa
11	11000187	Hồ Văn Minh	31/05/2009	Nam	11B4	Hóa
12	11000188	Lê Nguyễn Bình Minh	07/05/2009	Nam	11B1	Hóa
1	12000244	Nguyễn Hoàng Long Nhật	07/07/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
2	12000247	Trương Thị Yến Nhi	02/09/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
3	12000249	Nguyễn Hồng Nhiên	29/08/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
4	12000254	Đinh Hạnh Minh Như	12/11/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
5	12000258	Nguyễn Thị Hồng Như	13/08/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
6	12000259	Nguyễn Thị Quỳnh Như	08/10/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
7	12000260	Phạm Nguyễn Quỳnh Như	02/10/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
8	12000261	Trương Gia Như	10/11/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
9	12000264	Võ Thị Quỳnh Như	17/07/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
10	12000268	Lê Nguyễn Trương Nương	05/12/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
11	12000269	Nguyễn Hoàng Phương Oanh	16/05/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
12	12000270	Võ Mai Kiều Oanh	24/09/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 33

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000191	Nguyễn Thị Diễm My	30/03/2009	Nữ	11B12	Hóa
2	11000192	Nguyễn Thị Kiều My	06/10/2009	Nữ	11B2	Hóa
3	11000195	Nguyễn Thị Mỹ	13/03/2009	Nữ	11B3	Hóa
4	11000200	Vương Trần Tấn Nam	22/01/2009	Nam	11B2	Hóa
5	11000202	Trương Thị Thúy Nga	19/04/2009	Nữ	11B1	Hóa
6	11000211	Phạm Thu Ngân	08/11/2009	Nữ	11B4	Hóa
7	11000216	Võ Phạm Phương Nghi	25/08/2009	Nữ	11B12	Hóa
8	11000217	Võ Thị Thúy Nghi	16/09/2009	Nữ	11B12	Hóa
9	11000218	Huỳnh Minh Nghiêm	11/05/2009	Nam	11B4	Hóa
10	11000219	Bùi Thị Như Ngọc	23/12/2009	Nữ	11B2	Hóa
11	11000226	Phan Thùy Ngọc	22/02/2009	Nữ	11B1	Hóa
12	11000229	Nguyễn Duy Nguyên	04/04/2009	Nam	11B4	Hóa
1	12000272	Phạm Huỳnh Quốc Pháp	28/09/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
2	12000273	Dương Văn Phát	16/04/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
3	12000275	Phạm Thị Ngọc Phần	08/06/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
4	12000277	Nguyễn Ngọc Phổ	20/08/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
5	12000281	Bùi Thị Mỹ Phúc	05/10/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
6	12000282	Nguyễn Thanh Phúc	23/12/2007	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
7	12000283	Phạm Ngọc Phúc	09/07/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
8	12000284	Phạm Văn Phúc	14/07/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
9	12000287	Phạm Thị Hoàng Phương	14/04/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
10	12000288	Nguyễn Thị Kim Phượng	13/06/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
11	12000289	Võ Thị Ngọc Phượng	10/07/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
12	12000293	Phạm Anh Quý	25/08/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 34

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000234	Tiêu Viết Nhã	22/09/2009	Nam	11B2	Hóa
2	11000237	Phạm Văn Nhân	25/01/2009	Nam	11B3	Hóa
3	11000238	Võ Duy Nhân	05/05/2009	Nam	11B4	Hóa
4	11000239	Võ Thiện Nhân	27/04/2009	Nam	11B3	Hóa
5	11000241	Trần Quang Đệ Nhất	04/10/2009	Nam	11B4	Hóa
6	11000245	Đỗ Phạm Yến Nhi	27/04/2009	Nữ	11B2	Hóa
7	11000246	Đỗ Thị Nhi	16/10/2009	Nữ	11B3	Hóa
8	11000248	Huỳnh Thị Yến Nhi	15/01/2009	Nữ	11B1	Hóa
9	11000257	Nguyễn Thị An Nhiên	25/10/2009	Nữ	11B4	Hóa
10	11000259	Võ Thị Ý Nhiên	19/11/2009	Nữ	11B1	Hóa
11	11000269	Trương Phạm Tâm Như	07/10/2009	Nữ	11B1	Hóa
12	11000272	Đặng Thị Nữ	27/07/2009	Nữ	11B2	Hóa
1	12000297	Nguyễn Bảo Quỳnh	04/12/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
2	12000298	Nguyễn Hương Quỳnh	25/08/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
3	12000301	Phạm Hoàng Sang	02/10/2008	Nam	12C8	KTPL(C8->11)
4	12000306	Nguyễn Văn Tài	12/02/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
5	12000307	Nguyễn Võ Tấn Tài	24/01/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
6	12000308	Tiêu Viết Tài	30/03/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
7	12000312	Nguyễn Minh Tâm	14/01/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
8	12000316	Vũ Thế Ngọc Thạch	02/09/2007	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
9	12000322	Hoàng Thị Nguyên Thảo	05/04/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
10	12000326	Trương Nguyệt Thảo	22/09/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
11	12000328	Châu Bình Thủy Thêm	12/02/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
12	12000335	Bùi Gia Thịnh	18/04/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 35

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000273	Huỳnh Ngọc Nữ	02/12/2009	Nữ	11B1	Hóa
2	11000274	Nguyễn Thị Xuân Nữ	03/01/2009	Nữ	11B12	Hóa
3	11000275	Phạm Thị Yên Nữ	08/09/2009	Nữ	11B1	Hóa
4	11000278	Nguyễn Thị Bích Ny	06/07/2009	Nữ	11B3	Hóa
5	11000280	Nguyễn Thị Phương Oanh	03/02/2009	Nữ	11B12	Hóa
6	11000282	Nguyễn Duy Phát	17/01/2009	Nam	11B1	Hóa
7	11000284	Nguyễn Võ Tấn Phát	16/11/2009	Nam	11B3	Hóa
8	11000286	Nguyễn Hoàng Phi	25/08/2009	Nam	11B1	Hóa
9	11000289	Hoàng Đặng Phong	03/09/2009	Nam	11B1	Hóa
10	11000291	Nguyễn Duy Phong	23/06/2009	Nam	11B1	Hóa
11	11000292	Phạm Đình Hoàng Phong	02/04/2009	Nam	11B12	Hóa
12	11000296	Nguyễn Đặng Hoàng Phúc	26/07/2009	Nam	11B1	Hóa
1	12000336	Nguyễn Quốc Thịnh	12/09/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
2	12000339	Bùi Thị Thu Thuận	12/08/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
3	12000340	Phan Văn Thuận	05/03/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
4	12000342	Võ Duy Thuận	17/09/2007	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
5	12000348	Ngô Võ Anh Thư	16/11/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
6	12000350	Nguyễn Thị Minh Thư	26/09/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
7	12000351	Võ Thị Bảo Thư	01/06/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
8	12000352	Võ Thị Minh Thư	05/10/2007	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
9	12000353	Huỳnh Lê Thương	31/01/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
10	12000355	Lê Thị Thu Thương	05/01/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
11	12000363	Nguyễn Minh Tín	10/06/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
12	12000364	Bùi Văn Tình	01/09/2007	Nam	12C9	KTPL(C8->11)

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 36

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000297	Nguyễn Hoàng Phúc	03/03/2009	Nam	11B12	Hóa
2	11000300	Nguyễn Hữu Phước	19/08/2009	Nam	11B12	Hóa
3	11000302	Phạm Hoàng Phước	06/08/2009	Nam	11B1	Hóa
4	11000303	Phạm Văn Phước	21/10/2009	Nam	11B3	Hóa
5	11000306	Nguyễn Thị Hoàng Phương	03/02/2009	Nữ	11B12	Hóa
6	11000308	Nguyễn Anh Quân	02/05/2009	Nam	11B2	Hóa
7	11000314	Trương Thị Quyên	02/03/2009	Nữ	11B12	Hóa
8	11000315	Võ Hồng Quyền	08/05/2009	Nam	11B12	Hóa
9	11000327	Nguyễn Tấn Sang	30/01/2009	Nam	11B3	Hóa
10	11000328	Nguyễn Công Sinh	18/10/2009	Nam	11B3	Hóa
11	11000330	Nguyễn Ngọc Sơn	12/03/2009	Nam	11B12	Hóa
12	11000331	Trương Công Hoàng Sơn	09/09/2009	Nam	11B12	Hóa
1	12000366	Đoàn Võ Thanh Trà	25/02/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
2	12000367	Đoàn Nguyễn Huyền Trang	25/07/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
3	12000370	Nguyễn Đỗ Thùy Trâm	14/03/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
4	12000371	Nguyễn Thị Trâm	01/04/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
5	12000375	Quảng Thị Thùy Trâm	22/03/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
6	12000380	Bùi Thị Thảo Trân	26/10/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
7	12000381	Nguyễn Phạm Huyền Trân	12/01/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
8	12000386	Phạm Hồng Kiều Trinh	11/05/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
9	12000392	Dương Quốc Trường	08/10/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
10	12000393	Nguyễn Văn Trường	17/01/2007	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
11	12000395	Trương Công Trường	12/01/2008	Nam	12C8	KTPL(C8->11)
12	12000398	Võ Đoàn Minh Tú	11/06/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 37

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000334	Nguyễn Tuấn Tâm	28/01/2009	Nam	11B2	Hóa
2	11000335	Phạm Thị Thanh Tâm	15/11/2009	Nữ	11B1	Hóa
3	11000336	Huỳnh Ngọc Thạch	27/04/2009	Nam	11B12	Hóa
4	11000337	Nguyễn Ngọc Thạch	20/10/2009	Nam	11B3	Hóa
5	11000340	Đỗ Minh Thành	10/10/2009	Nam	11B2	Hóa
6	11000342	Bùi Thị Thảo	04/10/2009	Nữ	11B3	Hóa
7	11000349	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/01/2009	Nữ	11B3	Hóa
8	11000351	Dương Nguyễn Hữu Thắng	30/03/2009	Nam	11B2	Hóa
9	11000352	Võ Hoài Thể	19/01/2009	Nam	11B2	Hóa
10	11000355	Tạ Đình Thiện	10/02/2009	Nam	11B4	Hóa
11	11000356	Võ Thiện	20/01/2009	Nam	11B4	Hóa
12	11000357	Nguyễn Phúc Thịnh	31/10/2009	Nam	11B12	Hóa
1	12000406	Võ Duy Tuyền	17/05/2008	Nam	12C10	KTPL(C8->11)
2	12000407	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	21/05/2008	Nữ	12C9	KTPL(C8->11)
3	12000409	Nguyễn Thị Tý	15/04/2008	Nữ	12C8	KTPL(C8->11)
4	12000412	Võ Thị Thùy Ván	26/01/2008	Nữ	12C11	KTPL(C8->11)
5	12000417	Nguyễn Tấn Vĩ	23/02/2008	Nam	12C8	KTPL(C8->11)
6	12000418	Nguyễn Trung Vĩ	05/05/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
7	12000422	Dương Thị Vin	24/07/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)
8	12000425	Dương Văn Vội	26/02/2008	Nam	12C8	KTPL(C8->11)
9	12000426	Nguyễn Công Vũ	12/06/2008	Nam	12C11	KTPL(C8->11)
10	12000429	Phạm Tấn Vũ	04/01/2008	Nam	12C9	KTPL(C8->11)
11	12000436	Võ Thị Bảo Xuyên	02/01/2008	Nữ	12C10	KTPL(C8->11)

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 38

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000358	Nguyễn Sinh Thịnh	13/10/2009	Nam	11B3	Hóa
2	11000360	Nguyễn Tuấn Thịnh	16/05/2009	Nam	11B12	Hóa
3	11000363	Bùi Quỳnh Thom	21/09/2009	Nam	11B3	Hóa
4	11000366	Huỳnh Thị Thúy	18/06/2009	Nữ	11B4	Hóa
5	11000373	Nguyễn Minh Thư	20/11/2009	Nữ	11B3	Hóa
6	11000386	Phạm Duy Thường	17/10/2009	Nam	11B4	Hóa
7	11000389	Nguyễn Đặng Bảo Thy	22/12/2009	Nữ	11B1	Hóa
8	11000394	Trần Văn Tiên	28/02/2009	Nam	11B4	Hóa
9	11000399	Đinh Phạm Hữu Toàn	09/05/2009	Nam	11B4	Hóa
10	11000401	Đồng Thị Minh Trang	19/12/2009	Nữ	11B1	Hóa
11	11000402	Lê Phương Trang	22/11/2009	Nữ	11B1	Hóa
12	11000403	Nguyễn Thị Thu Trang	24/09/2009	Nữ	11B1	Hóa
13	11000404	Phạm Nguyễn Mai Trang	07/10/2009	Nữ	11B2	Hóa
14	11000405	Phan Thị Trang	24/01/2009	Nữ	11B4	Hóa
15	11000406	Bùi Bảo Trâm	31/03/2009	Nữ	11B1	Hóa
16	11000407	Bùi Nguyễn Quỳnh Trâm	02/03/2009	Nữ	11B3	Hóa
17	11000413	Đỗ Anh Trí	19/02/2009	Nam	11B1	Hóa
18	11000414	Trần Quang Trí	11/08/2009	Nam	11B4	Hóa
19	11000415	Nguyễn Minh Triết	27/01/2009	Nam	11B4	Hóa

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 39

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000422	Trương Quang Trọng	10/12/2009	Nam	11B12	Hóa
2	11000423	Đặng Thị Trúc	14/10/2009	Nữ	11B3	Hóa
3	11000425	Đặng Hữu Trung	07/04/2009	Nam	11B3	Hóa
4	11000427	Nguyễn Quốc Trung	19/03/2009	Nam	11B2	Hóa
5	11000429	Nguyễn Quốc Trường	01/01/2009	Nam	11B4	Hóa
6	11000431	Đỗ Nhật Tú	13/10/2009	Nữ	11B1	Hóa
7	11000432	Lê Văn Tú	30/07/2009	Nam	11B4	Hóa
8	11000433	Nguyễn Thị Cẩm Tú	22/02/2009	Nữ	11B4	Hóa
9	11000435	Huỳnh Anh Tuấn	26/07/2009	Nam	11B2	Hóa
10	11000436	Nguyễn Minh Tuấn	26/03/2009	Nam	11B4	Hóa
11	11000440	Trương Tiến Tuấn	10/09/2009	Nam	11B4	Hóa
12	11000448	Nguyễn Thành Ván	02/01/2009	Nam	11B2	Hóa
13	11000450	Bùi Thị Thanh Vi	20/06/2009	Nữ	11B12	Hóa
14	11000456	Phan Khánh Việt	13/08/2009	Nam	11B2	Hóa
15	11000463	Thái Ngọc Vũ	02/06/2009	Nam	11B4	Hóa
16	11000465	Trần Phi Vương	09/07/2009	Nam	11B4	Hóa
17	11000472	Đoàn Ý	09/04/2009	Nam	11B2	Hóa
18	11000473	Đỗ Như Ý	05/02/2009	Nữ	11B12	Hóa
19	11000474	Đỗ Thị Thúy Yên	23/04/2009	Nữ	11B2	Hóa
20	11000476	Lê Thị Kim Yên	27/07/2009	Nữ	11B1	Hóa

Đông Sơn, ngày 7 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm